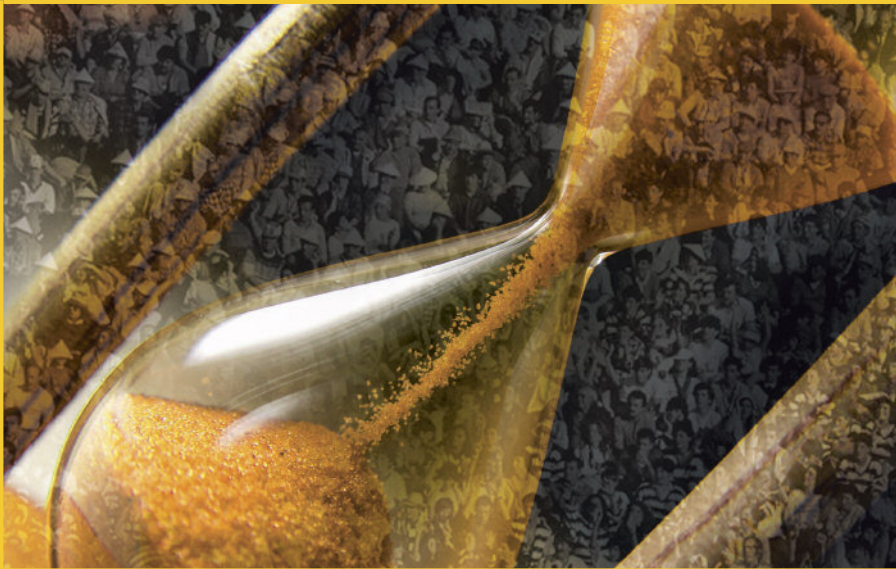


BÁO CÁO NGHIÊN CỨU - KHẢO SÁT

MỨC ĐỘ PHẢN HỒI CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

ĐỐI VỚI KIẾN NGHỊ, PHÊ BÌNH CỦA
TỔ CHỨC, CÔNG DÂN TRÊN BÁO CHÍ



Nhóm nghiên cứu

MAI PHAN LỢI

NGUYỄN MINH LỘC (NAM ĐỒNG)

NGUYỄN VĂN BÁ

HOÀNG NGHĨA NHÂN

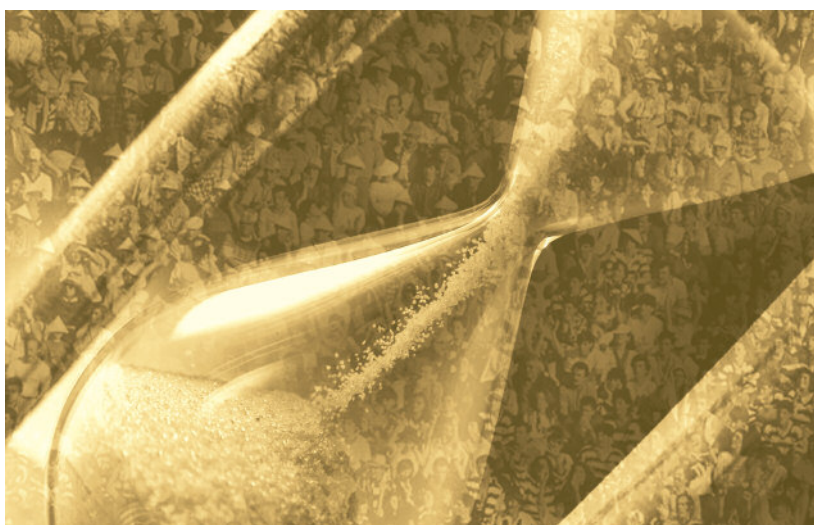
■ Tài liệu phục vụ hoạt động của dự án "Nâng cao mức độ phản hồi của cơ quan nhà nước đối với kiến nghị, phê bình của công dân trên báo chí" do Trung tâm Truyền thông Giáo dục cộng đồng thực hiện từ tháng 8/2013 đến tháng 3/2014 với sự hỗ trợ tài chính của Bộ Ngoại giao Anh thông qua Đại sứ quán Anh tại Hà Nội.

Hà Nội, tháng 11 năm 2013

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU - KHẢO SÁT

MỨC ĐỘ PHẢN HỒI CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

ĐỐI VỚI KIẾN NGHỊ, PHÊ BÌNH CỦA
TỔ CHỨC, CÔNG DÂN TRÊN BÁO CHÍ



Nhóm nghiên cứu

MAI PHAN LỢI

NGUYỄN MINH LỘC (NAM ĐỒNG)

NGUYỄN VĂN BÁ

HOÀNG NGHĨA NHÂN



Quan điểm trong nghiên cứu này là của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của Chính phủ Anh



MỤC LỤC

Danh mục các từ viết tắt	04
Lời cảm ơn	06
Phần I - Tóm tắt tổng quan	08
Phần II - Giới thiệu	10
Phần III - Câu hỏi, phạm vi và phương pháp nghiên cứu	12
Phần IV - Những phát hiện/kết quả nghiên cứu	14
Khuôn khổ pháp luật	15
Mức độ phản hồi	22
Những nguyên nhân trực tiếp	27
• Báo chí	28
• Cơ quan nhà nước	34
Những tác nhân khác	40
• Cơ quan quản lý, chỉ đạo báo chí	40
• Đạo đức của nhà báo	43
• Tác động của mạng xã hội và blog cá nhân đối với trách nhiệm bảo đảm quyền công dân của báo chí và cơ quan nhà nước	45
Phần V - Khuyến nghị	48
Phần VI - Phụ lục	54
• Quy trình xử lý ý kiến bạn đọc điển hình ở báo chí miền Nam (TN, TT, PLTP)	54
• Quy trình thúc đẩy phản hồi điển hình ở cơ quan chỉ đạo báo chí Hà Nội	61
• Kiến nghị chính sách số 01	66
Phần VII - Tài liệu tham khảo	70

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Bộ TT&TT : Bộ Thông tin và Truyền thông

MTTQ VN : Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

HĐND : Hội đồng Nhân dân

UBND : Ủy ban Nhân dân

TAND : Tòa án Nhân dân

VKSND : Viện Kiểm sát nhân dân

Liên hiệp Hội : Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam

TTCP : Thanh tra Chính phủ

WB : Ngân hàng Thế giới

CQNN : Cơ quan Nhà nước

Nghiên cứu RFD 2011 : Báo cáo nghiên cứu – khảo sát “Nghiên cứu các hành vi cản trở tác nghiệp báo chí”, RED Communication 2011.

Nghiên cứu DFID 2012 : Báo cáo nghiên cứu khảo sát “Khó khăn và thuận lợi đối với báo chí đưa tin tham nhũng ở cấp tỉnh”, Bộ Phát triển quốc tế Anh, DFID 2012.

Luật Báo chí 1989 : Luật số 29-LCT/HĐNN8 của Quốc hội ngày 28/12/1989 về Báo chí.

Luật Báo chí sửa đổi 1999 : Luật số 12/1999/QH10 ngày 12/6/1999 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí

Nghị định 51/2002 : Nghị định của Chính phủ số 51/2002/NĐ-CP ngày 26/7/2002 quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí (Nghị định 51/NĐ-CP 2002).

Nghị định 159/2013 : Nghị định của Chính phủ số 159/2013/NĐ-CP, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí xuất bản, ngày 12/11/2013.

Nghị định 02/2011 : Nghị định của Chính phủ số 02/2011/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản ngày 6/1/2011.

Nghị định 31/2001 : Nghị định của Chính phủ số 31/2001/NĐ-CP ngày 26/06/2011 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá - thông tin.

Nghị định 56/2006 : Nghị định của Chính phủ số 56/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2006 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa - thông tin.

Quy chế Phát ngôn 2007 : Quyết định 77/2007/QĐ-TTg ngày 28/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

Quy chế cung cấp thông tin kinh tế 2008 : Quyết định 1390/2008/QĐ-TTg ngày 29/09/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin cho báo chí giữa Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Quy chế Phát ngôn 2013 : Quyết định 25/2013/QĐ-TTg ngày 04/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

Luật KNTC 1998 : Luật số 09/1998/QH10 của Quốc hội về Khiếu nại, tố cáo.

Luật khiếu nại 2011 : Luật số 02/2011/QH13 của Quốc hội về Khiếu nại.

Luật tố cáo 2011 : Luật số 03/2011/QH13 của Quốc hội về Tố cáo.

Luật PCTN : Luật số 55/2005/QH11 của Quốc hội về Phòng, chống tham nhũng.

Nghị định 90/2013 : Nghị định của Chính phủ số 90/2013/NĐ-CP ngày 8/8/2013 Quy định Trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

LỜI CẢM ƠN

Bản báo cáo mà quý vị đang cầm trên tay là kết quả làm việc của nhóm chuyên gia tư vấn sau gần bốn tháng và kế hoạch nghiên cứu “Mức độ phản hồi của cơ quan nhà nước đối với kiến nghị, phê bình của công dân trên báo chí” đã hoàn thành đúng tiến độ đề ra.

Lời đầu xin bày tỏ lòng biết ơn sự ủng hộ của Đoàn Chủ tịch Liên hiệp các Hội KHKT Việt Nam, Bộ Ngoại giao Anh thông qua Đại sứ quán Anh tại Hà Nội đã phê duyệt và hỗ trợ tài chính cho các hoạt động nghiên cứu. Cảm ơn Trung tâm Truyền thông giáo dục cộng đồng (MEC) đã trợ giúp nhóm nghiên cứu nhiệt tình và hiệu quả.

Xin được cảm ơn sự hợp tác cung cấp thông tin, hỗ trợ truyền thông của đại diện lãnh đạo và các chuyên mục ở các cơ quan báo chí: Đài Truyền hình Việt Nam (Chương trình “Dân hỏi Bộ trưởng trả lời”), Đài Tiếng nói Việt Nam (kênh truyền hình VOV TV và mục Hộp thư thính giả), Đài Truyền hình KTS VTC (Mục “Đường dây nóng”), Báo điện tử Dân Trí, Báo Diễn đàn Doanh nghiệp, Báo Thanh Niên, Báo Nông nghiệp Việt Nam, Báo Người Cao Tuổi, Báo Giao thông, Báo Lao Động Nghệ An, Đài PTHT Nghệ An, Báo Tuổi Trẻ, Báo Pháp luật TPHCM, văn phòng đại diện TBKTSG tại Hà Nội, Báo điện tử Đảng Cộng sản, Báo Hải Quan, Báo Công an Nhân dân, Báo điện tử Infonet.vn, Báo điện tử Dân Việt...

Xin ghi nhận và cảm ơn thiện chí của đại diện lãnh đạo, người phát ngôn các cơ quan nhà nước đã tham gia các cuộc phỏng vấn, cung cấp thông tin: Bộ Thông tin & Truyền thông, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công thương, VKSND tối cao, UBND các tỉnh Nghệ An, Bình Thuận, Hà Nam.

Đóng góp vào dự án nghiên cứu này không thể không nhắc đến sự góp ý, chia sẻ thông tin vô cùng hữu ích của các đơn vị, đầu mối liên quan trực tiếp đến nội dung dự án, gồm đại diện: Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội, Sở TT&TT các tỉnh Quảng Ninh, Nghệ An, Daklak, Hà Tĩnh và Bình Thuận.

Quá trình phân tích các kết quả nghiên cứu, nhóm tư vấn còn nhận được sự đóng góp ý kiến quý báu của các chuyên gia độc lập, nhà báo uy tín, như TS-luật sư Phan Đăng Thanh (TP HCM), nhà báo Nguyễn Văn Hùng (hàm Vụ trưởng, Vụ Báo chí – Xuất bản, Ban Tuyên giáo Trung ương), nhà báo Kim Quốc Hoa (Tổng biên tập Báo Người Cao Tuổi), nhà báo Trần Thị Kim Hoa (phó tổng biên tập Tạp chí Người Làm Báo), nhà báo Nguyễn Bá Kiên (quyền Tổng biên tập Báo Giao thông), ông Hoàng Mạnh Chiến (nguyên Phó cục trưởng Cục CSĐT tội phạm tham nhũng, Bộ Công an),

ông Nguyễn Quang Thắng (Thanh tra Bộ Công an), nhà báo Vĩnh Quyên (phó giám đốc kênh truyền hình VOV), nhà báo Trần Thị Hoài Thu (phó giám đốc kênh truyền hình VTC1, Đài truyền hình KTS VTC) luật sư Dương Phi Anh (TP HCM), luật sư Mai Lương Việt (Hà Nội), nhà báo Ngô Huy Toàn (Thanh tra Bộ Thông tin & Truyền thông), nhà báo Lưu Đình Phúc và Nguyễn Văn Hiếu (Cục Báo chí, Bộ TT&TT) v.v...

Đặc biệt, xin cảm ơn sự hợp tác của 279 nhà báo đang theo dõi các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nội chính, bạn đọc của các báo, đài trung ương và địa phương đóng tại 19 tỉnh, TP gồm: Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Huế, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, Đồng Nai, Bình Thuận, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP HCM, Daklak, Cần Thơ và An Giang. Xin được cảm ơn các đại biểu đã đến tham dự và chia sẻ ý kiến tại ba hội thảo “Tiếp thu ý kiến” tại ba miền Bắc, Trung, Nam trước khi hoàn thiện báo cáo. Xin cảm ơn hàng trăm thành viên của group “Diễn đàn Nhà báo trẻ” đã tham gia khảo sát và trả lời các câu hỏi thông qua mạng xã hội.

Cuối cùng xin được cảm ơn đại diện các tổ chức, đối tác quốc tế đã theo sát, hỗ trợ, đóng góp ý kiến, cảm ơn bà Nguyễn Phương Chi (Đại sứ quán Anh) đã nhiệt tình giúp đỡ nhóm nghiên cứu thực hiện công việc đầy khó khăn này.

NHÓM NGHIÊN CỨU





Phần I

Tóm tắt tổng quan

Theo quy định tại Luật Báo chí 1989 và Nghị định 51/2002 hướng dẫn thi hành Luật Báo chí, thì báo chí có trách nhiệm tiếp nhận các kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của công dân gửi đến rồi thông qua việc phản ánh trên báo hoặc chuyển tiếp bằng văn bản, báo chí có quyền yêu cầu các tổ chức, người có chức vụ, quyền hạn của đảng, CQNN xử lý và thông báo kết quả hoặc biện pháp giải quyết trong thời hạn 30 ngày. Các văn bản sau này do Thủ tướng Chính phủ ban hành (như các Quyết định 77/2007, Quyết định 1390/2008, Quyết định 25/2013) và xu hướng thực thi trách nhiệm giải trình (theo Luật PCTN; Nghị định 90/2013) thì nghĩa vụ trả lời công dân, thực hiện công khai minh bạch của người đứng đầu tổ chức, CQNN ngày càng rõ ràng, cụ thể, tiệm cận với thông lệ thế giới.

Để làm rõ thực trạng thực thi các quy định trên, đề xuất các giải pháp hiệu quả, trong khoảng thời gian bốn tháng (từ tháng 8/2013 đến tháng 11/2013) nhóm chuyên gia của dự án đã khảo sát 279 nhà báo đang hoạt động trong các lĩnh vực xử lý đơn thư, điều tra, kinh tế... đang hoạt động ở 19 tỉnh, TP trên toàn quốc; đồng thời phỏng vấn lãnh đạo nhiều cơ quan báo chí, đài truyền hình và đại diện các CQNN đang quản lý các lĩnh vực, địa bàn “nóng”. Các kết quả nghiên cứu ban đầu đã được đưa ra ba hội thảo ở ba miền Bắc, Trung, Nam để tiếp thu ý kiến đóng góp của lãnh đạo các cơ quan báo chí, lãnh đạo các cơ quan quản lý, chỉ đạo báo chí, đại diện CQNN liên quan và các chuyên gia độc lập. Một số kiến nghị chính sách và bản báo cáo này là kết quả làm việc của nhóm nghiên cứu, được gửi tới các cơ quan có thẩm quyền và những đối tượng chịu sự điều chỉnh của Luật Báo chí. Những phát hiện chính trong bản báo cáo này gồm:

Hệ thống pháp lý liên quan đến trách nhiệm trả lời chứa nhiều mâu thuẫn có khả năng hạn chế mức độ và chất lượng phản hồi, điển hình như việc không quy định hoặc lược bỏ các chế tài đối với việc chậm trả lời của tổ chức, CQNN; trong khi xu hướng kiểm soát hoạt động báo chí lại được tăng cường...

Mức độ phản hồi của tổ chức, CQNN đối với các kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của công dân được báo chí phản ánh khá thấp: số phản hồi đúng thời hạn chỉ đạt 25% và trong số phản hồi đó 75% chỉ là các thông tin chung chung.

Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến mức độ phản hồi thấp thể hiện ở cả hai phía báo chí và CQNN, từ khâu nhận thức, tổ chức thực hiện đến việc thiếu hụt các kiến thức, kỹ năng cụ thể.

Nhiều yếu tố khác tác động mạnh mẽ đến mức độ phản hồi, có cả tác động tích cực và tác động tiêu cực, như sự tham gia của các cơ quan quản lý, chỉ đạo báo chí; vấn đề đạo đức nghề nghiệp của báo chí trong xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo và vai trò cạnh tranh, tương tác của mạng xã hội, blog cá nhân.

Từ các phát hiện này, nhóm nghiên cứu đã đưa ra các khuyến nghị nhằm đến các chủ thể khác nhau, gồm:

Đối với hành lang pháp lý cần có sự bình đẳng và nhất quán, trước mắt bổ sung ngay các chế tài đối với việc tổ chức, CQNN phản hồi chậm, tiến tới xây dựng một Nghị định về Bảo vệ quyền tác nghiệp báo chí ở tầm Chính phủ nhằm hướng dẫn thực hiện Điều 2 Luật Báo chí. Về lâu dài cần sửa toàn diện Luật Báo chí theo hướng tiếp cận các chuẩn mực quốc tế.

Đối với các nhà báo, cơ quan báo chí cần tăng cường năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp nhằm tiếp nhận, khai thác tốt hơn nguồn thông tin vô tận từ bạn đọc/khán, thính giả, chú trọng đúng mức vai trò, chức năng từ mạng xã hội và những kênh thông tin phi truyền thống.

Đối với lãnh đạo các tổ chức, CQNN cần thay đổi nhận thức, coi việc phản hồi công dân thông qua báo chí là “cơ hội” hơn là “nghĩa vụ”, từ đó có các cách thức ứng xử mang tính tự giác và gương mẫu; đồng thời cải thiện nhanh chóng những thiếu hụt về quy trình, kỹ năng xử lý thông tin, phản hồi báo chí.

Đối với các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí cần tôn trọng sự thật khách quan, tiến trình vận động của sự phát triển, tăng tính tự chủ, tính trách nhiệm của các bên, thực sự đóng vai trò cầu nối, thúc đẩy giải trình một cách tích cực, kiểm soát mọi can thiệp mang tính cá nhân hay “nhóm lợi ích” để mọi mâu thuẫn xã hội không phải tích tụ và phải được giải tỏa theo đúng quy luật.



Phần II

Giới thiệu

Tính tới thời điểm này, chưa từng có cuộc thảo luận, nghiên cứu nào về mức độ phản hồi của các cơ quan, tổ chức nhà nước đối với yêu cầu cung cấp thông tin của báo chí mặc dù các quy định liên quan đã có hiệu lực 24 năm (Luật Báo chí 1989) và 11 năm (Nghị định 51/2002). Cùng với đó, hiện tượng các tổ chức, CQNN chậm/im lặng/miễn cưỡng cung cấp thông tin, trả lời các câu hỏi, kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của công dân thông qua báo chí đã được thừa nhận cả ở phía nhà nước.

Các quy định liên quan đến trách nhiệm cung cấp thông tin và tương tác với báo chí một cách chủ động (đặc biệt là Nghị định 51/2002, Nghị định 02/2011 Quy chế Phát ngôn 2007, Quy chế Phát ngôn 2013) chỉ được thực thi một cách không đáng kể.

Chính phủ vừa hoàn thiện Nghị định 159/2013, sửa đổi bổ sung Nghị định 02/2011; đưa vào thực thi Nghị định 90/2013 về “Trách nhiệm giải trình” và việc mới sửa đổi Quy chế Phát ngôn là cơ hội để tăng cường tính pháp lý và hiệu lực của các luật liên quan đến báo chí.

Thực hiện các quy định, quy chế nói trên vừa là nghĩa vụ mang tính bắt buộc, vừa là nhu cầu của chính tổ chức, CQNN trong việc tìm kiếm sự đồng thuận của công chúng. Tuy nhiên, các cuộc trò chuyện với một số đại diện CQNN, người phát ngôn cho thấy vấn đề không chỉ nằm trong khuôn khổ pháp lý mà ở năng lực của chính những người phát ngôn, đại diện cơ quan này. Do thiếu kỹ năng báo chí, nhiều người phát ngôn có xu hướng né tránh giới truyền thông bởi họ lo ngại sẽ gây ra sai sót. Các nhà báo cũng cảm thấy khó tiếp cận người phát ngôn, dẫn đến tình trạng các tổ chức, CQNN chậm phản hồi trước các yêu cầu cung cấp thông tin từ phía các nhà báo.

Trong khi đó, theo một nghiên cứu của RED do UK tài trợ năm 2011, 50% nhà báo cho biết hình thức cản trở phổ biến nhất mà họ thường gặp khi tác nghiệp là bị các cơ quan, tổ chức, CQNN từ chối hoặc né tránh cung cấp thông tin. Các nhà báo tham gia khảo sát đánh giá rằng, mối quan hệ về thông tin giữa các CQNN và báo chí hiện vẫn là mối quan hệ một chiều, phụ thuộc vào thiện chí của các cơ quan này, và không phải là lúc nào các tổ chức, CQNN cũng có thiện chí và nhiệt tình cung cấp thông tin, trả lời báo chí.

Cuộc khảo sát - nghiên cứu về “Mức độ phản hồi của tổ chức, CQNN đối với kiến nghị, phê bình của công dân trên báo chí” được Trung tâm Truyền thông Giáo dục cộng đồng (MEC) triển khai từ tháng 8/2013 – tháng 11/2013 với sự đồng ý của cơ quan chủ quản là Liên hiệp Hội theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Liên hiệp Hội. Bộ Ngoại giao Anh thông qua Đại sứ quán Anh tại Hà Nội là cơ quan hỗ trợ tài chính cho dự án này.

Nghiên cứu được thực hiện dựa trên quy định tại Điều 8 Luật Báo chí 1989 về **“Trả lời trên báo chí”**, trong đó nêu rõ “Người đứng đầu cơ quan báo chí có quyền yêu cầu các tổ chức, người có chức vụ trả lời vấn đề mà công dân nêu ra trên báo chí; các tổ chức, người có chức vụ có trách nhiệm trả lời trên báo chí; Tổ chức, công dân có quyền yêu cầu cơ quan báo chí trả lời về vấn đề mà báo chí đã thông tin, cơ quan báo chí có trách nhiệm trả lời; Cơ quan báo chí phát hiện hoặc nhận được khiếu nại, tố cáo của công dân về những việc có dấu hiệu phạm tội thì phải báo ngay cho cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát bằng văn bản; cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có trách nhiệm thụ lý và trả lời cho báo chí cách giải quyết”.

Tại Nghị định 51/2002, cụ thể hóa “Trách nhiệm của tổ chức, người có chức vụ” đã nêu rõ: “Khi CQNN, tổ chức Đảng, tổ chức xã hội (gọi chung là tổ chức) và người có chức vụ nhận được ý kiến, kiến nghị, phê bình, khiếu nại của tổ chức, công dân, tố cáo của công dân do cơ quan báo chí chuyển đến hoặc đăng, phát trên báo chí, trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày báo chí đăng, phát thì người đứng đầu tổ chức, người có chức vụ phải thông báo cho cơ quan báo chí kết quả hoặc biện pháp giải quyết. Nếu quá thời hạn nêu trên mà không nhận được thông báo của người đứng đầu tổ chức, người có chức vụ thì cơ quan báo chí có quyền chuyển ý kiến, kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của công dân đến cơ quan cấp cao hơn có thẩm quyền giải quyết hoặc đưa vấn đề đó lên báo chí”.

Nghiên cứu cũng dựa trên việc thực hiện các quy chế cung cấp thông tin cho báo chí ban hành theo các Quy chế phát ngôn 2007, Quy chế cung cấp thông tin kinh tế 2008, Quy chế phát ngôn 2013; có đối chiếu, xem xét đến các Luật Khiếu nại – Tố cáo 1998 và 2011; Luật PCTN và Nghị định 90/2013 về “Trách nhiệm giải trình” mới được ban hành và có hiệu lực.

Mục tiêu của nghiên cứu – khảo sát nhằm mô tả thực trạng, làm rõ nguyên nhân và đề xuất giải pháp xử lý tình trạng các quy định của pháp luật chậm hoặc không được thực thi. Sau nghiên cứu, khảo sát, dự án tiếp tục tiến hành các hoạt động truyền thông thay đổi nhận thức, vận động chính sách và đào tạo kỹ năng đối thoại, tiếp xúc giữa báo chí và đại diện tổ chức, CQNN trên quy mô rộng nhằm cải thiện tình hình.





Phần III

Câu hỏi, phạm vi & phương pháp nghiên cứu

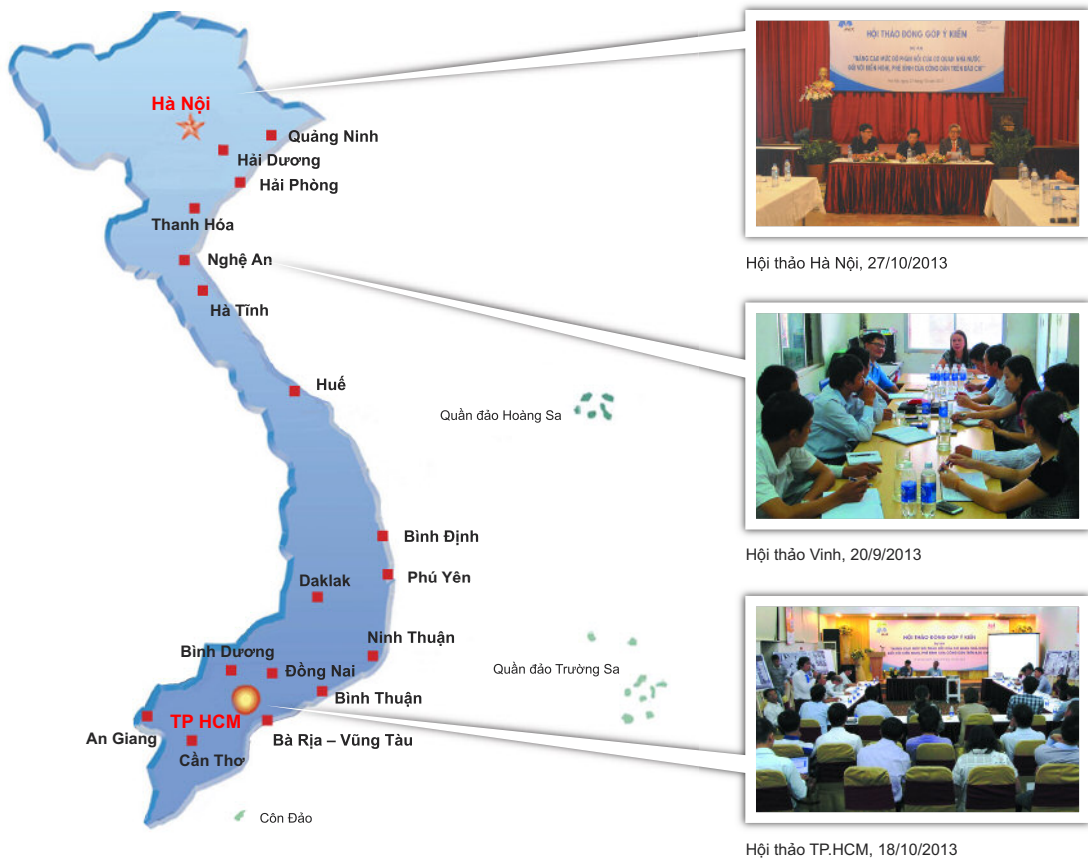
Khảo sát - nghiên cứu được thực hiện bằng các phương pháp:

- Khảo sát định tính đối với 279 nhà báo đang công tác trong lĩnh vực kinh tế, nội chính, xử lý đơn thư bạn đọc. Cụ thể, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát với 279 nhà báo đang theo dõi lĩnh vực kinh tế - xã hội, nội chính, bạn đọc của các báo, đài trung ương và địa phương đóng tại 19 tỉnh, thành phố, gồm: Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Huế, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, Đồng Nai, Bình Thuận, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu, TP HCM, Daklak, Cần Thơ và An Giang.

- Phỏng vấn sâu 16 đại diện/nhóm đại diện các toà soạn báo, cơ quan báo chí tiêu biểu và đại diện các CQNN tiêu biểu ở các khâu hành pháp và tư pháp, ở trung ương và địa phương.

- Tổ chức 3 hội thảo thu thập ý kiến đóng góp của các bên liên quan ở 3 miền để hoàn thiện báo cáo.

- Khảo sát đối chứng trên mạng xã hội (Diễn đàn Nhà báo trẻ) để củng cố dữ liệu.



Các cuộc khảo sát, phỏng vấn này đã đi sâu vào các nhóm vấn đề sau:

- (1) Mức độ phản hồi của các tổ chức, CQNN đối với kiến nghị, phê bình của công dân trên báo chí;
- (2) Quy trình tiếp nhận đơn thư của công dân gửi đến các báo, đài trên địa bàn cả nước bằng tất cả các hình thức (gửi đơn thư, trình bày trực tiếp, gửi email, gọi điện thoại, phản hồi trên báo điện tử,...);
- (3) Quy trình xử lý đơn thư của công dân gửi đến các báo, hiệu quả của từng hình thức xử lý (đăng báo, chuyển đến cơ quan có thẩm quyền bằng phiếu chuyển/công văn);
- (4) Khó khăn, thuận lợi của báo chí trong quá trình tiếp nhận, xử lý đơn thư của công dân;
- (5) Quy trình tiếp nhận và xử lý của tổ chức, CQNN đối với kiến nghị, phê bình của công dân được qua báo chí phản ánh;
- (6) Khó khăn, thuận lợi của các tổ chức, CQNN (đặc biệt là của những người đứng đầu, người phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí) trong quá trình tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phê bình của công dân được phản ánh qua báo chí;
- (7) Các kiến nghị nhằm tăng cường hiệu quả của việc xử lý ý kiến của công dân được chuyển tải qua báo chí.



Phần IV

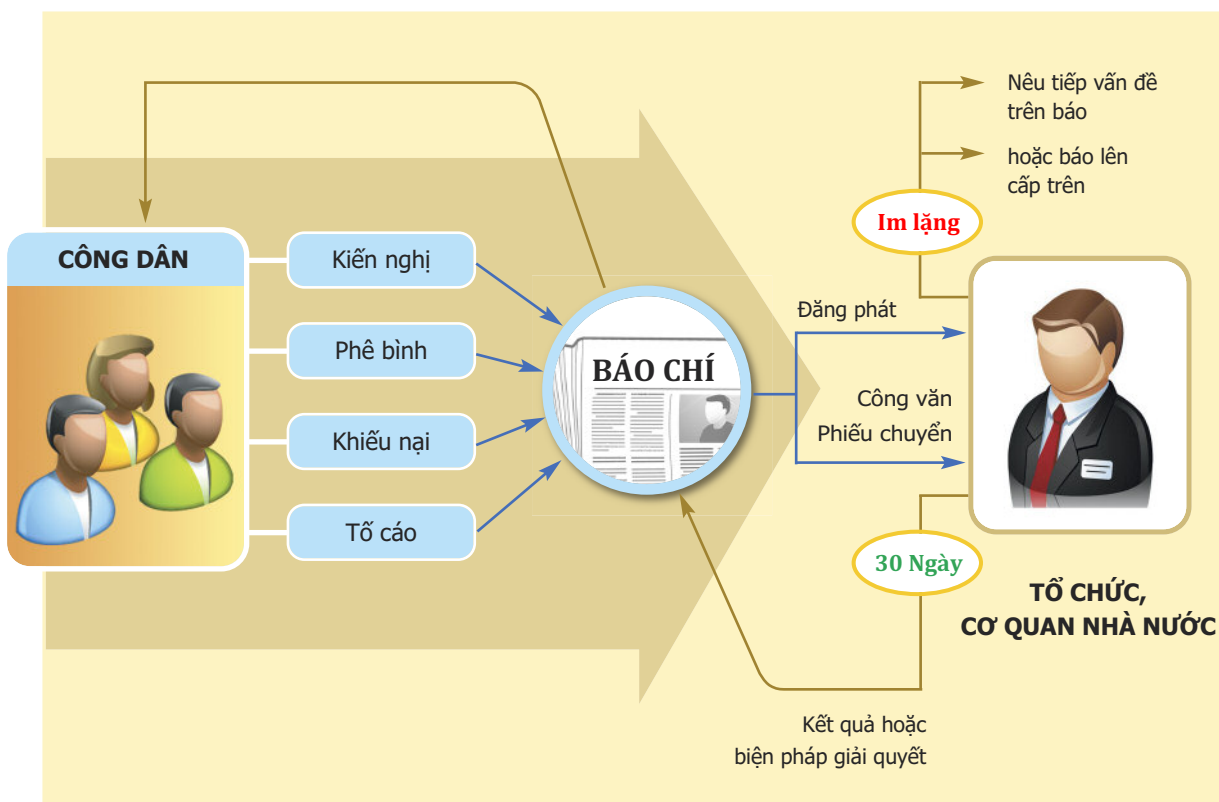
Các phát hiện chính của nghiên cứu

Các nghiên cứu gần đây đã chỉ ra rằng “né tránh cung cấp thông tin” là 1/12 hành vi cản trở nhà báo tác nghiệp và là hành vi cản trở phổ biến nhất. Nghiên cứu cũng cho thấy đối tượng cản trở nhà báo chiếm tỷ lệ cao nhất là cán bộ, công chức; đồng thời nêu rõ rằng khi nhà báo bị cản trở tác nghiệp thì đối tượng bị thiệt hại lớn nhất chính là xã hội (nghiên cứu của RED 2011).

Luật Báo chí và các văn bản hướng dẫn thi hành đều nói rõ quyền của nhà báo, cơ quan báo chí trong việc yêu cầu cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp cung cấp thông tin về chủ trương chính sách, hoạt động của mình; đồng thời nêu rõ trách nhiệm/nghĩa vụ của các cơ quan này trả lời, giải trình, báo cáo kết quả giải quyết/xử lý những vấn đề báo chí nêu, đặc biệt là các kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của công dân được báo chí phản ánh thông qua việc đăng tải trên báo hoặc chuyển tiếp đơn thư, ý kiến.

Như vậy, việc cung cấp thông tin, trả lời, giải trình các vấn đề báo chí quan tâm, phản ánh không chỉ là đáp ứng quyền luật định của nhà báo; không chỉ là trách nhiệm, nghĩa vụ của người có chức vụ quyền hạn, của tổ chức, CQNN mà còn là việc đảm bảo thực hiện quyền góp ý, kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của công dân thông qua báo chí. Hơn thế, việc thực thi tốt các biện pháp công khai, minh bạch còn là cách thức phát huy tốt nhất vai trò của báo chí trong PCTN, giữ ổn định xã hội.

MÔ HÌNH BÁO CHÍ CHUYỂN TÀI Ý KIẾN CÔNG DÂN ĐẾN TỔ CHỨC, CƠ QUAN NHÀ NƯỚC



Trong thực tế hoạt động báo chí, để tiếp nhận, phân loại, xử lý các ý kiến, kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của người dân phản ánh tới báo chí không phải vấn đề đơn giản, dễ dàng mà nó đòi hỏi kiến thức, kỹ năng chuyên sâu, đòi hỏi sự nhạy cảm và quy trình chuyên môn cụ thể, rõ ràng. Các nhà báo và cơ quan báo chí ở Việt Nam cũng thừa nhận phải đối mặt với những trở ngại tương tự, với những thông tin “nhạy cảm” còn có thêm những trở ngại thuộc diện “đặc thù”.

Trong phần dưới đây là những phát hiện chính được đề cập trong báo cáo nghiên cứu này:

4.1 KHUÔN KHỔ PHÁP LUẬT

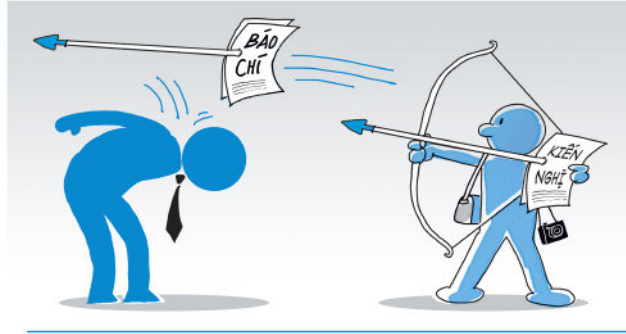
4.1.1 Chủ trương của Chính phủ về thực hiện trách nhiệm giải trình

Chính phủ đã có chủ trương rõ ràng về trách nhiệm của tổ chức, cơ quan nhà nước giải trình trước vấn đề do báo chí đặt ra. Điều đó được thể hiện cả ở các luật, quy định liên quan đến báo chí cũng như các luật chuyên ngành.

Trong suốt quá trình nghiên cứu về mức độ phản hồi báo chí, chủ trương chung này được nhóm nghiên cứu đặt ra là yếu tố nền tảng, xuyên suốt để đánh giá và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao mức độ phản hồi của CQNN đối với kiến

ngợi, phê bình của công dân mà báo chí chuyển tải. Bởi lẽ ngay các quy định về quyền/trách nhiệm của báo chí (tại các điều 5, 6, 7, 8 Luật Báo chí) và đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, CQNN (Điều 3 Nghị định 51/2002) thì đều là các đề xuất của Chính phủ cách thời điểm này hàng chục năm nhằm đảm bảo các quyền hiến định của công dân thông qua báo chí. Vì thế phần nghiên cứu này chỉ điểm qua các chính sách và thực thi chính sách ở tầm Chính phủ thời gian qua.

Ngoài các quy định đã dẫn ở phần giới thiệu (được phân tích cụ thể ở phần 4.1.2 tiếp theo), trước tình trạng các CQNN “né” báo chí, vào năm 2007 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quy chế Phát ngôn, trong đó nêu rõ các hình thức cung cấp thông tin và trả lời báo chí. Sang đến năm 2008, trước tình trạng thông tin “nhiều” về kinh tế “làm mưa, làm gió” trên thị trường gây sức ép rất lớn cho kinh tế vĩ mô, Thủ tướng Chính phủ ban hành tiếp Quy chế về thông tin kinh tế (Quyết định 1390/2008/QĐ-TTg) nói rõ trách nhiệm của các Bộ TT&TT và các bộ ngành kinh tế (gồm Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Ngoại giao và Ngân hàng Nhà nước) trong việc chủ động hợp báo, cung cấp thông tin và trả lời các nội dung báo chí chuyển đến. Đến năm 2013, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục sửa đổi Quy chế Phát ngôn với việc rút ngắn một nửa thời hạn (so với Quy chế Phát ngôn 77/2007) buộc các cơ quan hành chính nhà nước phải hợp báo hoặc trả lời báo chí.



Đặc biệt, thực thi các cam kết về công khai minh bạch, PCTN, ngày 8/8/2013, Chính phủ ban hành Nghị định 90/2013/NĐ-CP Quy định trách nhiệm giải trình của CQNN trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Theo văn bản này, “giải trình là việc CQNN cung cấp, giải thích, làm rõ các thông tin về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đó” và nguyên tắc hàng đầu được nhấn mạnh là “bảo đảm công khai, minh bạch, đầy đủ, kịp thời và đúng thẩm quyền”. Theo Nghị định này thì một công dân (khi có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đều có quyền yêu cầu CQNN giải trình. Xu hướng này đã tác động khá tích cực đến nhận thức về quyền làm chủ của công dân cũng như nghĩa vụ của tổ chức, CQNN, gián tiếp tác động đến mức độ phản hồi thông qua báo chí, dù mới ở mức độ thấp.

Đáng nói là bên cạnh việc ban hành chính sách, Chính phủ cũng gương mẫu thực thi trách nhiệm bảo đảm công khai, minh bạch. Các chương trình Vietnam Online trên Đài Truyền hình KTS VTC, “Dân hỏi, Bộ trưởng trả lời” trên Đài Truyền hình Việt Nam VTV và các cuộc họp báo hàng tháng giữa bộ trưởng, chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và đông đảo phóng viên đã tạo nên một trào lưu cởi mở, minh bạch, tăng cường một thói quen thực thi công vụ dưới sự giám sát của người dân, góp phần nâng cao mức độ phản hồi hơn so với trước.

Tại cuộc họp báo của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ cuối tháng 10/2013, rất nhiều câu hỏi nóng của báo chí liên quan đến trách nhiệm được đặt ra, kể cả việc liệu bộ trưởng Bộ Y tế có nên thể hiện trách nhiệm chính trị bằng cách từ chức khi để xảy ra những vụ việc nổi cộm trong ngành, như việc ba trẻ em ở Quảng Trị bị chết do tiêm vaccin, việc đánh tráo kết quả hàng ngàn phiếu xét nghiệm ở Hà Nội và đặc biệt là việc bác sĩ thẩm mỹ “chui” làm chết bệnh nhân rồi quăng xác xuống sông Hồng ở Hà Nội. Hầu như không câu hỏi nào bị từ chối trả lời và tất cả nội dung hỏi đáp này đều được báo chí tường thuật.

Tuy nhiên những nỗ lực kể trên nếu không có thiết chế giám sát, thúc đẩy, duy trì thì hiệu quả sẽ không thể đạt được như kỳ vọng. Một tiến sĩ – luật sư đã thẳng thắn phát biểu tại “Hội thảo tiếp thu ý kiến” do dự án tổ chức tại TP HCM ngày 18/10/2013 rằng “tôi chưa thấy cái luật nào bị người ta xâm hại nhiều mà không bị xử lý như Luật Báo chí”!

4.1.2 Không có chế tài cho việc chậm trả lời báo chí

Quyền yêu cầu cung cấp thông tin, trả lời và giải trình vấn đề báo nêu được quy định bởi một số Luật và các quy định. Chế tài xử lý việc này cũng đã được nêu rải rác trong một số văn bản. Các nghiên cứu gần đây (nghiên cứu của McKinley 2009, RED 2011 và DFID 2012) đã nhận định rằng báo chí Việt Nam (cả trung ương và địa phương) hoạt động trong một môi trường pháp lý phức tạp có chứa nhiều mâu thuẫn.

Cụ thể, quyền của nhà báo, cơ quan báo chí đã được nêu trong Luật Báo chí và Nghị định 51/2002, trong đó đáng chú ý ở Điều 8 Luật Báo chí. Điều 8 Luật Báo chí 1989 về “**Trả lời trên báo chí**” nêu rõ: “Người đứng đầu cơ quan báo chí có quyền yêu cầu các tổ chức, người có chức vụ trả lời vấn đề mà công dân nêu ra trên báo chí; các tổ chức, người có chức vụ có trách nhiệm trả lời trên báo chí.”

Cụ thể hóa quyền này, Điều 3 Nghị định 51 đã tạo ra hành lang pháp lý cụ thể về trách nhiệm phản hồi của lãnh đạo CQNN tổ chức Đảng với các vấn đề của công dân phản ánh qua báo chí. Bốn mức độ bày tỏ ý kiến của người dân qua báo chí gồm từ mức độ thấp đến cao (kiến nghị - phê bình - khiếu nại - tố cáo) với hai hình thức rõ ràng (gồm đơn chuyển tiếp và phản ánh trên báo). Thời hạn đặt ra cho việc phản hồi cũng rất cụ thể (30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến) và cách xử lý cũng được nêu ra ngay trong điều luật, gồm việc báo cáo lên cấp trên cơ quan bị phản ánh hoặc đưa tiếp vấn đề lên báo.

Tuy nhiên việc xây dựng văn bản xử phạt lại không được chú ý tương ứng. Cụ thể tại các Nghị định 31/2001, Nghị định 56/2006 Nghị định 02/2011 và hiện nay là Nghị định 159/2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí lại không có điều khoản nào quy định xử lý đối với tổ chức Đảng, CQNN vi phạm thời hạn hoặc trách nhiệm phản hồi. Do thời hạn lấy ý kiến cho dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 02/2011 cận kề nên ngay từ ngày 7/10/2013 nhóm chuyên gia dự án đã soạn thảo “Kiến nghị chính sách số 01” gửi đến các cơ quan chức năng thông qua Trung tâm Truyền thông giáo dục cộng đồng để đề nghị bổ sung chế tài cho việc chậm/không trả lời kiến nghị, phê bình của công dân trên báo chí theo điều luật nói trên (*xem phụ lục*). Ngày 12/11/2013 Chính phủ ban hành Nghị định 159/2013 sửa đổi Nghị định 02/2011 có bổ sung chế tài cho việc không phát ngôn và cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin sai. Tuy nhiên hành vi chậm trả lời báo chí quy định tại Điều 8 Luật Báo chí thì lại không có chế tài.

Đáng nói là trong khi nhận thức của số đông nhà báo, cơ quan báo chí và đặc biệt là người đứng đầu tổ chức Đảng, CQNN về trách nhiệm thực hiện quyền kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của công dân thông qua báo chí, được quy định tại Luật Báo chí 1989 và Nghị định 51/2002 còn chưa đầy đủ thì có một văn bản thấp cấp hơn xuất hiện và được viện dẫn khá nhiều. Đó là Quy chế Phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ 2007 và 2013. Văn bản này chủ yếu quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin mang tính chủ động của CQNN chứ không ràng buộc trách nhiệm mang tính phản hồi/giải trình. Tương tự như một số văn bản, ở Quy chế này dù có đề cập tới chế tài vi phạm về cung cấp thông tin nhưng chỉ nói chung chung là tùy theo mức độ sẽ xử lý hành chính hoặc hình sự, không chỉ ra cách thức, thẩm quyền xử lý vi phạm khiến việc thực thi nó không rõ ràng.

4.1.3 Luật mới rút bỏ trách nhiệm trả lời báo chí

Ngoài các quy định được đề cập trong Luật Báo chí và Nghị định 51/2002, một trong những văn bản tác động, chi phối khá mạnh đến trách nhiệm giải quyết các khiếu nại, tố cáo mà công dân nêu ra trên báo chí chính là Luật Khiếu nại - Tố cáo 1998. Tại Điều 15 luật này nói rõ: “Khiếu nại, tố cáo do cơ quan báo chí chuyển đến phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, giải quyết và thông báo cho cơ quan đã chuyển đơn đến biết việc giải quyết theo quy định của pháp luật. Cơ quan báo chí đưa tin về việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Luật Báo chí sau khi đã xác minh đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đưa tin đó”. Đặc biệt hơn, khoản 8 Điều 96 Luật Khiếu nại, Tố cáo còn quy định: “Người giải quyết khiếu nại, tố cáo nếu có một trong các hành vi sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật: 8)-Không thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức và đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND quy định tại các Điều 15, 85... của Luật này”.

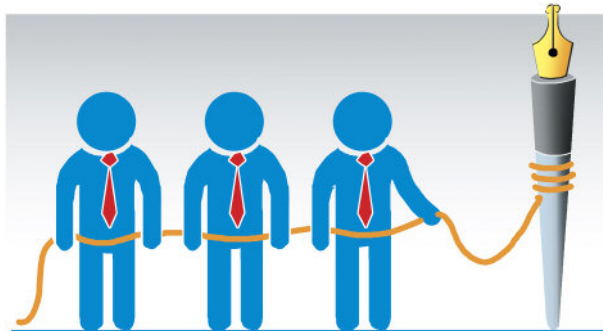
Thế nhưng vào năm 2011 khi Luật này được tách riêng ra thành hai Luật Khiếu nại và Luật Tố cáo riêng biệt thì các quy định mới đã tước bỏ các trách nhiệm/nghĩa vụ của người/cơ quan giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với phản ánh

của công dân thông qua báo chí. Nghĩa là từ khi thực hiện hai luật này cá nhân, tổ chức giải quyết khiếu nại, tố cáo sẽ không bắt buộc phải giải quyết và thông báo kết quả cho cơ quan báo chí biết. Mặt khác tại quy định của Điều 6 Luật Tố Cáo và Điều 44 Luật Khiếu nại mới chỉ yêu cầu các cơ quan có trách nhiệm phải trả lời MTTQ VN trong thời gian 7 ngày (chứ không phải 30 ngày). Vì vậy, phải chăng để thực hiện được trách nhiệm quan trọng là theo dõi giải quyết khiếu nại, tố cáo thì các báo chí chỉ còn một cách là phối hợp với MTTQ VN.

Tương tự thế, Luật PCTN quy định khá nhiều quyền/trách nhiệm cho báo chí, như quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức cá nhân có thẩm quyền cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hành vi tham nhũng (khoản 3 Điều 86). Tuy nhiên Nghị định 90/2013 về “Trách nhiệm giải trình” (hướng dẫn thực hiện Luật PCTN) loại bỏ chức năng phản ánh/chuyển tiếp của báo chí đối với khiếu nại, tố cáo của công dân bằng việc quy định rằng CQNN chỉ chấp nhận các yêu cầu giải trình của cá nhân có quyền, lợi ích trực tiếp; còn các phản ánh, chuyển tiếp từ nấc trung gian như báo chí thì CQNN không bắt buộc phải trả lời.

4.1.4 Xu hướng nhiều CQNN muốn tham gia quản lý hoạt động báo chí

Trong khi việc chậm/không trả lời các phản ánh của công dân thông qua báo chí chưa có chế tài; trong khi các luật mới sửa đổi, mới soạn thảo loại bỏ trách nhiệm phải trả lời báo chí về các nội dung liên quan đến khiếu nại, tố cáo và trách nhiệm trả lời báo chí chỉ



được nêu ở các văn bản pháp quy cấp thấp (Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) thì một thực tế khác mà nhóm nghiên cứu phát hiện là tình trạng nhiều CQNN muốn tham gia quản lý hoạt động báo chí thông qua việc ban hành các văn bản (cấp Nghị định và lên cả cấp Luật và Pháp lệnh). Điển hình ngay như trong Luật Tố cáo: một mặt tước bỏ nghĩa vụ xem xét, giải quyết tố cáo của công dân do báo chí chuyển tải, một mặt lại có thêm quy định tại khoản 13, Điều 8 về “Những hành vi bị nghiêm cấm” là: “Đưa tin sai sự thật về việc tố cáo và giải quyết tố cáo”, tức là nghiêm cấm và có thể chế tài đối với hành vi đưa tin sai sự thật. Đây là một xu hướng có thật khi việc xây dựng luật ở Việt Nam ta đang có hướng chuyên biệt hóa, cụ thể ở một số vụ việc điển hình dưới đây:

TAND tối cao khi xây dựng **Pháp lệnh xử lý các hành vi cản trở hoạt động tố tụng** đã đưa vào Điều 17 dự thảo Pháp lệnh xử lý các hành vi cản trở hoạt động tố tụng điểm e khoản 1 quy định phạt cảnh cáo đối với hành vi ghi âm, ghi hình tại phiên tòa mà không được sự **cho phép bằng văn bản** của chánh án tòa án nơi giải quyết vụ án hoặc chủ tọa phiên tòa giải quyết vụ án hoặc thực hiện việc ghi âm, ghi hình không đúng theo hướng dẫn và sắp xếp vị trí của tòa án nơi giải

quyết vụ án. Khoản 2 Điều 17 quy định phạt tiền từ 50.000 đồng đến 1.000.000 đồng nếu người vi phạm có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 11 Pháp lệnh (có tổ chức, tái phạm...) hoặc đã bị cảnh cáo, nhắc nhở về hành vi đó mà còn vi phạm trong cùng phiên tòa. Khoản 3 Điều 17 quy định người vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử lý bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 5 Pháp lệnh (buộc rời khỏi phòng xử án, tịch thu tang vật, phương tiện...). Quy định này (nếu được thông qua) sẽ đụng với “khoản 3 Điều 8 Nghị định số 51 ngày 26/4/2002 (quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí), nhà báo được hoạt động nghiệp vụ lấy tin, chụp ảnh, quay phim, ghi âm tại các phiên tòa xét xử công khai, được dành chỗ ngồi riêng, được liên lạc trực tiếp với các thẩm phán, luật sư để lấy tin, phỏng vấn theo quy định của pháp luật.”

Trong khi đó, nội quy phiên tòa hiện hành của ngành tòa án quy định việc ghi âm, quay phim, chụp ảnh tại nơi xử án phải được sự cho phép của chủ tọa phiên tòa. Như vậy, ngoài người theo dõi phiên tòa, người tham gia tố tụng (bị cáo, người bị hại, người làm chứng, người bào chữa, nguyên đơn, bị đơn...) thì nhà báo tác nghiệp tại phiên tòa sẽ là đối tượng chịu sự điều chỉnh của các điều khoản nói trên.

Ngày 26/4/2013 **Cục Cảnh sát giao thông ĐB-ĐS** có Công văn số 1042/C67-P3 về nội dung “Giả danh nhà báo ghi hình CSGT” ở điểm 2 đã hướng dẫn cán bộ của mình: “Luôn luôn nâng cao tinh thần cảnh giác, kiên quyết đấu tranh làm rõ với những đối tượng có lời nói đe dọa, lăng mạ hoặc có hành vi chống đối CSGT đang thực thi công vụ hoặc quay phim, chụp ảnh hoạt động tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm khi chưa được phép của CSGT đang làm nhiệm vụ. Nếu đúng là nhà báo thì tập hợp thông báo cho cơ quan chủ quản; nếu giả danh nhà báo thì tạm giữ, lập hồ sơ chuyển cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật”.

Quy định này dẫn tới việc hiểu rằng, khi bất kỳ người nào quay phim, chụp ảnh hoạt động tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm của CSGT thì phải “được phép đồng ý” của CSGT đang làm nhiệm vụ. Như vậy CSGT sẽ có quyền yêu cầu xuất trình giấy tờ để xác định “đúng là nhà báo” hay “giả danh nhà báo”. Pháp luật hiện tại không cấm người dân quay phim, chụp ảnh (trừ các trường hợp vì bí mật nhà nước, các khu vực an ninh, quốc phòng mà có quy định cấm hoặc hạn chế người dân hoặc phóng viên quay phim, chụp ảnh). Việc ghi hình người đang thi hành công vụ tại nơi công cộng là bình thường, không cần phải xin phép. Sau khi báo chí phản ánh, Cục CSGT ĐB-ĐS đã rút lại nội dung này, song đã phản ánh xu thế nhiều lực lượng muốn kiểm soát báo chí để bảo vệ lợi ích của ngành mình.

Ngày 19/07/2013 Chính phủ ban hành Nghị định 79/2013/NĐ-CP Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê. Trong đó Điều 13. Vi phạm quy định về phổ biến thông tin thống kê nói rõ “1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi phổ biến những số liệu, tài liệu thống kê chưa được phép công bố nhưng không thuộc danh mục bí mật nhà nước; 2. Phạt tiền từ trên 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi phổ biến thông tin thống kê sai sự thật; 3. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cải chính thông tin thống kê sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đã phổ biến đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 14. Vi phạm quy định về sử dụng thông tin thống kê nói “1. Cảnh cáo đối với hành vi không ghi rõ nguồn gốc của thông tin thống kê khi phổ biến, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các ấn phẩm; 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi trích dẫn không đúng nguồn gốc thông tin thống kê khi phổ biến, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các ấn phẩm; 3. Phạt tiền từ trên 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi làm sai lệch các thông tin thống kê đã được cơ quan có thẩm quyền công bố để phổ biến, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các ấn phẩm; 4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc đính chính nguồn gốc những thông tin thống kê đã trích dẫn, phổ biến, đăng tải đối với hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2 Điều này; b) Buộc đính chính những thông tin thống kê đã phổ biến, đăng tải sai sự thật đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này.

Ngày 24/9/2013 Chính phủ ban hành Nghị định 109/2013/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn, trong đó tại Điều 14 quy định “Điều 14. Hành vi đưa tin thất thiệt về thị trường, giá cả hàng hóa, dịch vụ: 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi bịa đặt, loan tin, đưa tin không đúng sự thật về tình hình thị trường, giá cả hàng hóa, dịch vụ gây tâm lý hoang mang trong xã hội và bất ổn thị trường. 2. Phạt tiền từ 75.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trên phương tiện thông tin đại chúng như báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử hoặc các ấn phẩm thông tin khác. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này; b) Buộc tiêu hủy hoặc tịch thu tiêu hủy các ấn phẩm có nội dung thông tin sai phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Ngày 22/10/2013 Chính phủ ban hành Nghị định số 138/2013/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục, trong đó ở Điều 13. Vi phạm quy định về thi nói rõ “2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi thông tin sai sự thật về kỳ thi”.

Hiện nay các vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản được xử lý theo các quy định tại Nghị định 02/2011/NĐ-CP và từ ngày 1/1/2014 là Nghị định 159/2013, đồng thời về thẩm quyền cũng chỉ có duy nhất lực lượng Thanh tra và các cục chức năng của Bộ TT&TT thực hiện xử phạt. Cụ thể, tại các Nghị định này đã có các chế tài cụ thể xử lý hành vi vi phạm Luật Báo chí như không

trích dẫn nguồn tin, tiết lộ tài liệu thuộc danh mục trong Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước hoặc vi phạm trong hoạt động của phóng viên và nhất là có chế tài chung cho hành vi thông tin sai sự thật với mức phạt lên đến 30 triệu đồng.

Do vậy, việc các CQNN khác nhau đều tìm cách đưa ra các quy định riêng để xử phạt việc đăng tải các thông tin không đúng trong từng lĩnh vực của mình, rõ ràng sẽ dẫn đến sự chông chéo, trùng lặp giữa các ngành, các lĩnh vực. Bên cạnh đó, nếu tự ý quy định thì mỗi ngành sẽ có mỗi mức phạt khác nhau, dẫn đến tình trạng hỗn loạn trong xử phạt sai phạm của báo chí...

4.2 MỨC ĐỘ PHẢN HỒI CỦA CÁC CQNN ĐỐI VỚI THÔNG TIN DO BÁO CHÍ PHẢN ÁNH

Quyền góp ý, kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của công dân đã được ghi nhận trong Hiến pháp và các luật liên quan. Thực tế khi thực hiện các quyền của mình công dân có thể tùy ý lựa chọn các kênh chuyển tải ý kiến: gửi trực tiếp đến CQNN; gửi qua trung gian là các đại diện do mình bầu ra (đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND, các đoàn thể thuộc MTTQ), trong đó kênh báo chí được rất nhiều người dân lựa chọn.

Đã có nhiều khảo sát, nghiên cứu chỉ ra lý do người dân ưa chuộng kênh báo chí khi chuyển tải giúp ý kiến của mình, như các kênh này phản ánh thường là nhanh chóng, có độ lan toả cao, tạo nên áp lực của dư luận xã hội buộc người có chức vụ, quyền hạn phải tiếp thu, xử lý. Theo nghiên cứu của DFID 2012 thì có đến 59% nhà báo điều tra ở 12 tỉnh, TP nói rằng người tố cáo tin cậy họ ở mức cao nhất. Còn tại nghiên cứu của TTCP và WB thực hiện (công bố ngày 20/11/2012 tại Hà Nội) thì qua khảo sát trên 5.000 cán bộ công chức, doanh nghiệp và người dân về 20 ngành có nguy cơ cao về tham nhũng thì báo chí đứng thứ 19, gần cuối bảng. Trong khi cho rằng báo chí thuộc nhóm ngành ít tham nhũng nhất thì nghiên cứu này cũng nói rằng 82% cán bộ công chức và 83,6% doanh nghiệp đánh giá “cơ quan truyền thông chủ động phát hiện được nhiều vụ tham nhũng trước khi các cơ quan chức năng vào cuộc”. Bên cạnh đó kết quả nghiên cứu cũng thể hiện 87,4% cán bộ công chức và 86% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “do có cơ quan truyền thông gây sức ép nên nhiều vụ việc tương tự bị “chìm xuồng” nhưng đã được xử lý”.

Trong thực tiễn tác nghiệp, các nguồn thông tin được người dân phản ánh đến các cơ quan báo chí, nhà báo có 3 dạng chính: (i) góp ý cho chính báo chí, cơ quan báo chí (ii) bài vở gửi đăng báo, cộng tác và (iii) đơn thư kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo nhờ báo chí chuyển tải nhằm tới người có chức vụ, quyền hạn thuộc tổ chức Đảng, CQNN. Trong đó, số đơn thư, ý kiến phản ánh đến báo chí (thuộc dạng iii) có tỷ lệ cao là các khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền lợi người dân, tham nhũng và quản lý các nguồn tài nguyên. Đây là những lĩnh vực đòi hỏi người xử lý phải có chuyên môn sâu, do sự việc phản ánh thường chứa nhiều tình tiết phức tạp, liên quan đến nhiều đạo luật và nhiều cơ quan khác nhau.

Về cách thức chuyển tải ý kiến người dân đến báo chí, các hình thức phổ biến vẫn là đơn thư và phản ánh trực tiếp. Ngoài ra, với sự phát triển mạnh của công nghệ

trong những năm gần đây, người dân sử dụng ngày càng nhiều cách thức bày tỏ phi truyền thống như đường dây nóng, email, mạng xã hội.

Tương tự, trong các kênh xử lý thông tin báo chí hiện nay, người có chức vụ, quyền hạn thuộc tổ chức Đảng, CQNN thường tiếp nhận qua 4 kênh chính: (i) do cấp trên hoặc CQNN khác chuyển đến; (ii) do báo chí chuyển đến bằng công văn, phiếu chuyển; (iii) do báo chí phản ánh trên mặt báo và (iv) do nhà báo chuyển đến trực tiếp bằng câu hỏi. Trong các kênh này, các kênh báo chí chuyển đến (ii, iii, iv) thường được quan tâm nhất do ít nhiều đã qua “bộ lọc” là các tòa báo, các ban công tác bạn đọc, khán, thính, giả và thường là những vấn đề bức xúc, nổi cộm hoặc liên quan trực tiếp đến quyền lợi người dân.

Qua cuộc khảo sát, nghiên cứu cho thấy:

(i) Đa số các nhà báo, tòa báo đánh giá rằng những ý kiến được chuyển tiếp bằng công văn, phiếu chuyển có tỷ lệ phản hồi của CQNN cao hơn việc phản ánh trên báo. Ở một số cơ quan báo chí lớn thì ngược lại: đăng báo sẽ được tiếp thu nhanh hơn. Đánh giá chung của các nhà báo là việc thực hiện trách nhiệm phản hồi của CQNN là “im lặng hoặc rất chậm”

(ii) - Phần lớn ý kiến bạn đọc chuyển đến là khiếu nại, đứng thứ nhì là kiến nghị và tố cáo. Số đơn thư phản ánh các vấn đề đất đai chiếm tỷ trọng lớn nhất. Các ý kiến khác chủ yếu nói về tiêu cực xã hội, một số trường hợp là tố cáo trong các lĩnh vực cụ thể. Việc tố cáo các cá nhân cụ thể thường ít được các báo chú tâm vì cho rằng việc làm này tương đối “nhạy cảm”. Ngành bị đánh giá kém phản hồi nhiều nhất là quản lý nhà đất; thứ nhì là công an.

(iii) - Hầu hết đại diện các CQNN né tránh việc trả lời trực tiếp cho nhà báo, cơ quan báo chí. Nếu báo chí có yêu cầu, các CQNN thường làm khó bằng cách yêu cầu gửi văn bản, gửi câu hỏi trước qua email và gửi lại câu trả lời được soạn sẵn. Rất ít CQNN sử dụng kênh hộp báo hay phát hành TCBC để phản hồi các kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của công dân chuyển đến qua báo chí;

(iv) - Việc phản hồi ở cấp trung ương tốt hơn ở địa phương, càng về cơ sở hiện tượng né tránh, cản trở tác nghiệp của nhà báo, phóng viên càng phức tạp, nhất là trong các vụ việc có dấu hiệu tiêu cực, tham nhũng.

(v) - CQNN rất tích cực phản hồi khi thông tin báo chí đăng có điểm sai, chưa đầy đủ nhưng lại có dấu hiệu “im” các bài báo phản ánh đúng các sai phạm, tiêu cực; Phần lớn các vấn đề được phản hồi là do chỉ đạo của lãnh đạo cấp trên chứ ít khi do tự giác thực hiện Luật Báo chí của cơ quan bị phản ánh.

Với câu hỏi nhà báo đã sử dụng những nguồn tin nào để viết các bài báo thì có 68% số nhà báo (trong số 279 người) trả lời họ sử dụng nguồn tin do các công dân cung cấp (qua kênh trực tiếp), gửi đơn thư, đường dây nóng, email, mạng xã hội...); số sử dụng nguồn tin từ các tổ chức độc lập cung cấp là 56%; trong khi “nguồn tin chính thống” (do CQNN cung cấp) từ mức cao nay đã giảm xuống mức 66%.

5 KÊNH PHẢN ÁNH CỦA BẠN ĐỌC.

Tại một tờ báo điện tử có trụ sở ở Hà Nội, mỗi ngày lượng đơn thư (giấy) gửi theo đường bưu điện vào 30 – 50 chiếc. Số lượng bạn đọc đến trực tiếp tòa soạn để trình bày khiếu kiện mỗi ngày trung bình có từ 2 – 10 người/ngày.

Gửi qua email chung vào khoảng 100 – 300 thư, nhưng trong đó 2/3 là thư rác. Tuy nhiên cũng có nhiều email phản ánh dấu hiệu nghiêm trọng, như việc các cây xăng ăn bớt tiền của khách hàng. Từ phản ánh như vậy phóng viên đã mật phục ghi được bằng chứng tố cáo ở cây xăng. Ngay sau khi videoclip đó được đăng tải đã có hàng nghìn comment, tương đương hàng nghìn thông tin liên quan mà bạn đọc cung cấp tiếp cho tòa soạn ở nhiều góc cạnh khác nhau.

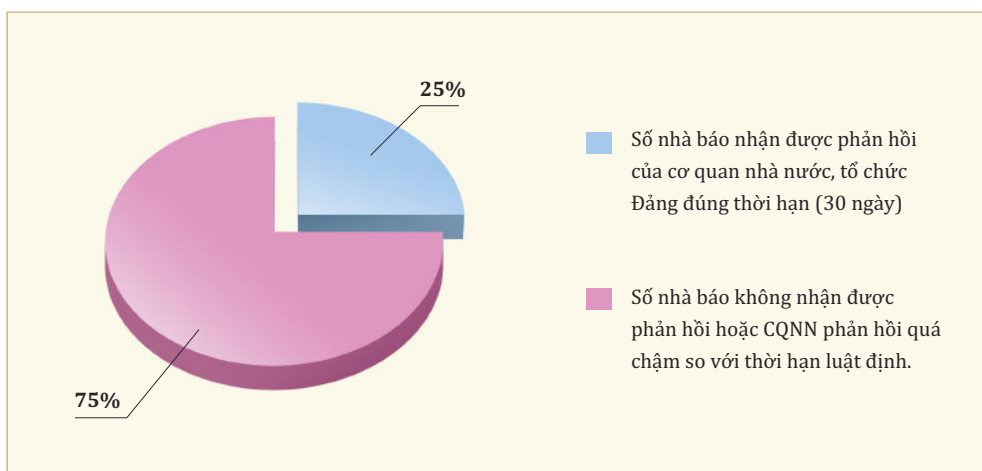
Ngoài ra các trường ban chuyên môn lại có các email riêng: mỗi ban xã hội, ban kinh doanh, ban thể thao, ban quốc tế có 1 email.

Cạnh đó báo cũng có đường dây nóng chuyên tiếp nhận các cuộc gọi. Nhân sự chuyên trách này được đào tạo để ghi chép, phân loại và chuyển đến bộ phận liên quan.

Tổng cộng là có 5 đầu mối để tiếp nhận thông tin bạn đọc.

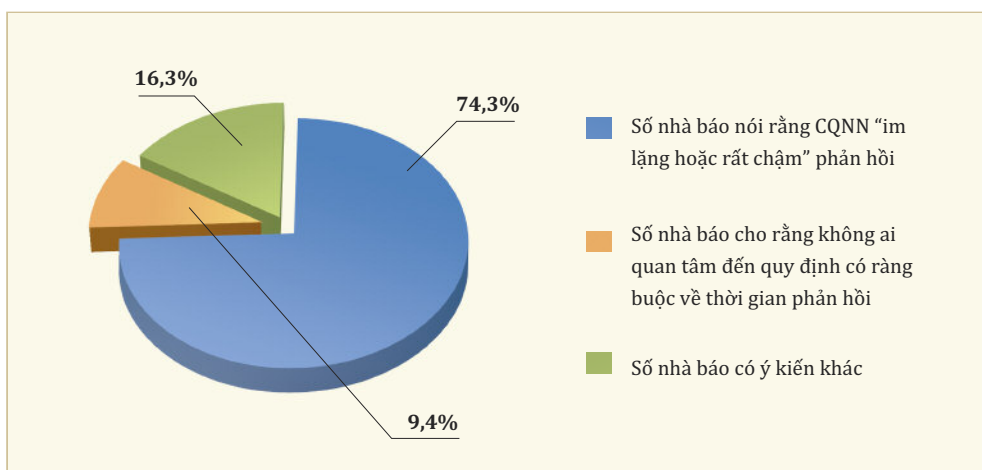
Vì thế với câu hỏi nghiên cứu chính là CQNN đã bộc lộ thái độ thế nào với các kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của công dân được báo chí phản ánh, nhóm nghiên cứu đã thu được kết quả như sau:

Mức độ phản hồi qua khảo sát trực tiếp



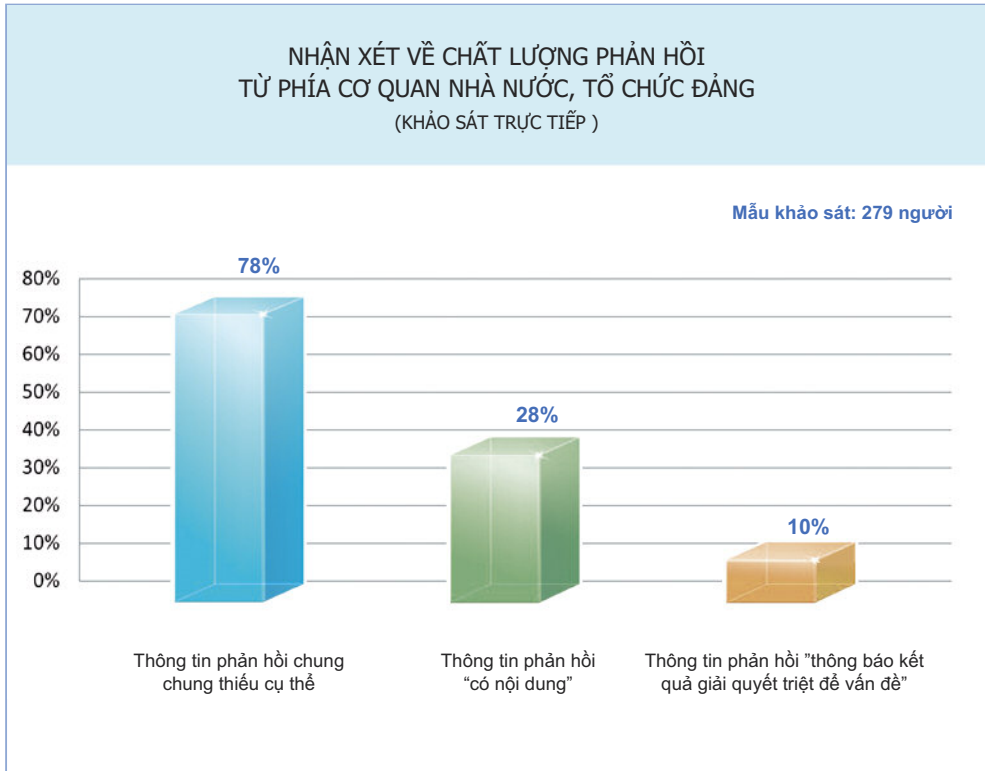
Chỉ có 25% nhà báo trong số 279 người cho biết đã nhận được phản hồi của CQNN, tổ chức Đảng đúng thời hạn (30 ngày); số còn lại là không nhận được phản hồi hoặc phản hồi quá chậm so với thời hạn luật định.

Mức độ phản hồi qua khảo sát trên Diễn đàn Nhà báo trẻ



Nhóm nghiên cứu đã thử khảo sát đối chứng trên Diễn đàn Nhà báo trẻ với câu hỏi tương tự, kết quả trong số 191 người trả lời thì có 142 người (74,3%) nói rằng CQNN “im lặng hoặc rất chậm”; 18 người (9,4%) nói rằng quy định có ràng buộc thời hạn để CQNN trả lời nêu trong Nghị định 51/2002 “chẳng ai quan tâm”; còn lại là các phương án trả lời khác.

Về chất lượng phản hồi, trong số 279 nhà báo được hỏi có tới 208 người (chiếm 75%) cho biết những phản hồi đúng hạn chỉ là các “Thông tin vô”, nghĩa là CQNN trả lời chung chung sẽ xử lý, sẽ tiếp thu... nhưng không cụ thể; 78 người (28%) nói thông tin phản hồi “có nội dung” và chỉ có 28 người (10%) nói rằng có “Thông báo kết quả giải quyết triệt để vấn đề” (lưu ý là điều 3 Nghị định 51/2002 yêu cầu là “thông báo kết quả hoặc biện pháp giải quyết”).



Về cách thức CQNN, tổ chức Đảng phản hồi thì nhóm các nhà báo được hỏi cho biết khá đa dạng: Người có thẩm quyền cung cấp thông tin (44%); Gửi công văn hoặc cử cán bộ đến trao đổi (44%); Gửi email và gọi điện (20%); phản ứng qua cơ quan chủ quản hoặc cơ quan quản lý báo chí (22%) v.v...

Lãnh đạo một tờ báo của khối doanh nghiệp có trụ sở tại Hà Nội cho biết, những thắc mắc “vãng lai” của bạn đọc nêu trên báo rất hiếm khi được trả lời mà ban biên tập thường phải tập hợp lại, phân loại và chuyển đến các bộ, ngành liên quan.

“Những lần đối thoại thuế với hải quan chúng tôi chuyển mấy chục trang các câu hỏi cho Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan thì lãnh đạo hai tổng cục mới cử chuyên viên trả lời. Còn những vấn đề bức xúc nêu trên báo thì thi thoảng có người trong bộ ngành liên quan liên hệ lại bày tỏ ý kiến nhưng với tư cách cá nhân hoặc như một chuyên gia. Muốn được trả lời nhanh thì chỉ có mượn tư cách pháp nhân của cơ quan chủ quản gửi công văn và thường nhận được phản hồi sau khoảng hai tuần, cách này hiệu quả đạt 70-80%.

Trong số các bộ ngành liên quan đến doanh nghiệp thì ngành nào mà thủ trưởng đơn vị quyết tâm cải cách thủ tục thì mức độ trả lời cao hơn. Đặc biệt như Tổng cục thuế, Tổng cục Hải quan xử lý rất tốt vấn đề này. Còn nhiều bộ ngành khác gần như bảo phải cử phóng viên hỏi, ví dụ như đã nhận được văn bản này chưa, đang ở cấp nào xử lý, đã xử lý đến đâu rồi...” – Phó tổng biên tập báo cho biết.

Như vậy với các kết quả khảo sát trực tiếp và đối chứng qua mạng xã hội, 3/4 các ý kiến của người dân được báo chí chuyển tải không được (hoặc chậm) trả lời theo luật định. Số tỷ lệ được trả lời thì đa phần là chung chung, thể hiện một thực tế đáng lo ngại về đảm bảo về quyền công dân và thực hiện công khai minh bạch trên báo chí.

4.3 NGUYÊN NHÂN TRỰC TIẾP CỦA MỨC ĐỘ PHẢN HỒI THẤP

Theo một số ý kiến, trong số các nguyên nhân trực tiếp có “lỗ hổng” ngay trong quy định tại Điều 3 Nghị định 51/2002, tức là vừa chặt, vừa lỏng, vừa hở, vừa khóa. Cụ thể quy định đưa ra bốn mức độ kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo thì hai mức độ đầu (kiến nghị, phê bình) không cần đến 30 ngày để tổ chức, CQNN phản hồi mà chỉ cần trên dưới 01 ngày như yêu cầu của Quy chế Phát ngôn. Thế nhưng với hai mức độ sau (khiếu nại, tố cáo) thì thời hạn 30 ngày nhiều khi chưa đủ để “thông báo kết quả”, nhất là những nội dung công dân phản ánh có liên quan đến đa ngành, đa lĩnh vực hoặc có dấu hiệu của một vụ án hình sự cần điều tra, làm rõ. Ngoài ra ngay trong quy định cũng đã “thông” lối đi cho việc im lặng

của tổ chức, CQNN bằng việc đưa ra các lựa chọn cho nhà báo: kiến nghị lên cấp trên hoặc đưa vấn đề lên báo... mà không nhắc đến chế tài. Yếu tố này khiến cho chính báo chí và tổ chức, CQNN khó thực thi quy định.

4.3.1 Về phía báo chí

Nhận thức

Cụ thể, về phía báo chí dù Điều 3 Nghị định 51/2002 đã có hiệu lực 11 năm; điều 8 Luật Báo chí đã có hiệu lực 24 năm nhưng không nhiều nhà báo biết đến các quy định này. Kết quả khảo sát trực tiếp chỉ có 156/279 nhà báo (chiếm 56%) biết viện dẫn các quy định của pháp luật để yêu cầu tổ chức, CQNN trả lời; còn lại viện dẫn các lý do khác. Ngay cả hai biện pháp được nêu tại Điều 3 Nghị định 51/2002 (gồm việc chuyển lên cấp trên cơ quan bị phản ánh hoặc nêu tiếp vấn đề trên báo) thì không phải nhà báo, cơ quan báo chí nào cũng biết để áp dụng. Cảnh đó số lãnh đạo cơ quan báo chí hiểu rõ quyền của mình nêu tại Điều 8 Luật Báo chí cũng rất hạn chế.

Có bạn đọc một tờ báo dành cho thanh niên có trụ sở ở phía Nam khi được nhóm nghiên cứu phỏng vấn mới nhận thức cụ thể về quy định (tổ chức, CQNN phải trả lời trong 30 ngày). Vào đầu tháng 9/2013 họ đã tiếp thu ngay những nội dung mà nhóm nghiên cứu đặt ra bằng việc đăng loạt ba bài phản ánh hiện tượng “Im lặng đáng ngại” và nêu tên các tổ chức, cơ quan chưa trả lời quá thời hạn luật định.

Tại hội thảo “Tiếp thu ý kiến” của lãnh đạo các cơ quan báo chí phía Bắc tổ chức tại Hà Nội ngày 27/10/2013, khi lãnh đạo tờ Người Cao Tuổi chia sẻ kinh nghiệm thành công ở nhiều loạt bài điều tra lớn là nhờ sử dụng cách thức dùng công văn yêu cầu tổ chức, CQNN trả lời, những lãnh đạo cơ quan báo chí khác có mặt mới bày tỏ ngạc nhiên và tán đồng.

Số nhà báo biết thẩm quyền của mình đã không nhiều, số nhà báo hiểu rõ nghĩa vụ của mình đối với các đơn thư, ý kiến của công dân chuyển đến càng khiêm tốn. Hầu như không nhà báo nào trả lời đúng ngay lập tức cho nhóm nghiên cứu về nghĩa vụ, về thời hạn dành cho báo chí nêu tại các khoản 2, 3 Điều 2 Nghị định 51/2002.*

Cách thức tổ chức

Theo quy trình thông thường, các nội dung phản ánh của bạn đọc/khán/thính giả chuyển đến tổ chức, CQNN qua cơ quan báo chí thường qua bốn bước chính: thu nhận thông tin – xử lý thông tin – công bố/chuyển thông tin – phản hồi. Trong bốn bước này thì các bước 3, 4 là quan trọng nhất vì nó thể hiện kết quả của chuỗi hoạt động. Thực tế một số tờ báo, đài truyền hình... do nhu cầu giữ độc giả, khán giả có mở mục “Cơ quan trả lời”, “Nhắn tin”... có nêu các văn bản, hồi âm họ nhận được từ tổ chức, CQNN song nhiều tờ báo, cơ quan báo chí khác không đầu tư nhiều cho công tác này.

Ở một số tờ báo có trụ sở phía Nam công tác thống kê, phân loại các đơn thư, ý kiến bạn đọc được thực hiện khá chu đáo (xem phụ lục 1). Đại diện một tờ báo dành cho thanh niên có trụ sở ở TP HCM cho biết, sau khi tờ báo này mở mục là “Cơ quan không phản hồi báo chí” trên tờ báo điện tử thì tỷ lệ CQNN trả lời có tăng lên chút đỉnh, nhưng cách trả lời thì cũng chủ yếu là thông tin “vỏ”. Ở Đài Tiếng nói Việt Nam có mục “Hồi âm thính giả” phát đi vào thứ 7 (phát lại nhiều lần) trên Hệ thời sự chính trị tổng hợp và Chủ nhật trên Hệ Văn hóa đời sống khoa giáo. Trên kênh truyền hình của đài này cũng có mục tương tự phát hàng ngày trừ thứ 7 và Chủ nhật, vào các khung 5h45, 9h45, 17h10. Một đại diện lãnh đạo đài cho hay nếu nêu một lần chưa thấy trả lời thì trong chuyên mục liên quan có thể sẽ nhắc lại để giúp hỗ trợ tăng lượng thông tin hồi âm cho thính giả. Còn ở Kênh Thời sự chính trị tổng hợp Đài truyền hình KTS VTC có mục “Đường dây nóng” phát sóng 03 lần/ngày vào các múi giờ: 6h, 13h, 16h45. Nội dung mục này là từ các phản ánh của khán giả theo kênh điện thoại, email “nóng”, đài cử phóng viên là làm phóng sự để phát sóng; những phản ánh khó xác minh thì gửi công văn chuyển tiếp nội dung để tổ chức, CQNN trả lời.

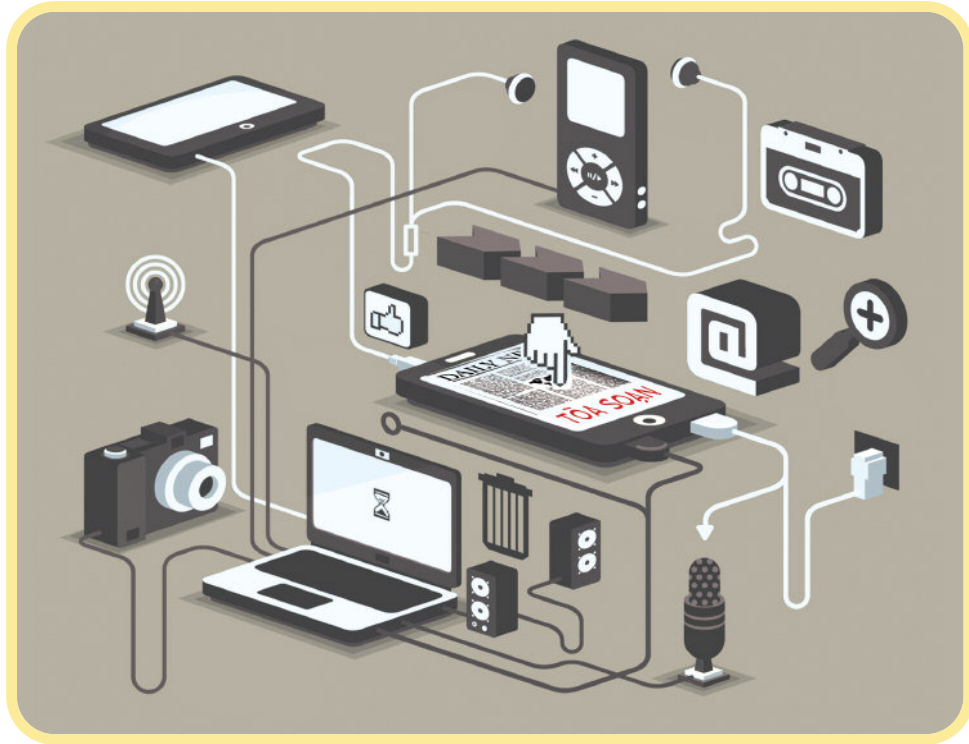
(*) Tại các điều khoản này có quy định “báo chí có trách nhiệm tiếp nhận và đăng, phát kiến nghị, phê bình, tin, bài, ảnh và các tác phẩm báo chí khác của công dân có nội dung phù hợp với tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, định hướng thông tin... Trường hợp không đăng, phát thì trong thời hạn chậm nhất là ba mươi (30) ngày, cơ quan báo chí có trách nhiệm trả lời cho tác giả bằng văn bản hoặc đăng, phát trên báo chí bằng hình thức hộp thư, nhắn tin (khoản 2 Điều 2); Kể từ khi nhận được văn bản trả lời của CQNN có thẩm quyền giải quyết các khiếu nại, tố cáo, hoặc văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân trả lời kiến nghị, phê bình đối với vấn đề mà báo chí nêu hoặc tiếp nhận thì cơ quan báo chí có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, công dân có khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phê bình hoặc đăng, phát trên báo chí của mình trong thời hạn mười (10) ngày đối với báo ngày và đài phát thanh, đài truyền hình, mười lăm (15) ngày đối với báo tuần, trên số ra tiếp gần nhất đối với tạp chí (khoản 3 Điều 2).

Đánh giá chung ở các cơ quan báo chí lớn là việc nhắc nhở, đôn đốc theo hình thức công khai tuy có hiệu quả (tỷ lệ hồi âm có cao hơn) nhưng mức độ vẫn thấp, nhiều cơ quan chức năng còn “lẩn tránh sự việc, hứa xong để đấy...”. Đáng nói là công tác tổ chức tại bước 4 (phản hồi) còn chưa chuyên nghiệp, thể hiện ở việc theo dõi, đôn đốc CQNN trả lời bằng những quyền hạn luật định lại khá mờ nhạt. Hầu như các ý kiến độc/khán/thính giả sau khi được báo đăng, phát hoặc chuyển tiếp đến tổ chức, CQNN xem như các ban bạn đọc, phóng viên phụ trách đã “hoàn thành nhiệm vụ”. Không có nhiều trường hợp biết cách vận dụng các hình thức chuyển tải theo luật định một cách linh hoạt để có được những phản hồi cần thiết và hiệu quả.

Trường ban bạn đọc một tờ báo điện tử có trụ sở ở Hà Nội kể sau khi tiếp nhận phản ánh của bạn đọc báo đã có cả loạt bài điều tra nhiều kỳ. Đến kỳ thứ 15 thì phía bị phản ánh đưa ra những báo cáo (lên cấp trên) khác hẳn với nội dung phản ánh của báo khiến cho lãnh đạo tờ báo cũng phải có báo cáo trực tiếp lên cơ quan cấp trên của cơ quan bị nêu.

“Ví dụ gần đây nhất khi báo đăng đến 20 bài về vụ “vỡ trận” bến xe M. Đ. rồi nhưng UBND TP trong báo cáo gửi Thủ tướng họ vẫn quanh co, không nhìn thẳng vào sự thật. Chính vì thế, ban biên tập báo đã có công văn báo cáo trực tiếp vụ việc kèm theo những hồ sơ thuyết phục gửi trực tiếp đến Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, Chủ tịch Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia. Và chính việc báo cáo này dẫn đến việc Thủ tướng tiếp tục ra văn bản lần thứ 2 đề nghị Bộ Giao thông cùng với UBND TP giải quyết việc này chứ không để để mình TP giải quyết nữa. Như vậy là có thêm bên thứ ba sẽ khách quan hơn”

Gần đây nhiều tòa soạn báo ở Việt Nam đã quan tâm hơn đến mô hình “tòa soạn hội tụ” – bước tích hợp các loại hình báo chí in truyền thống với các cách thức truyền thông đa phương tiện khác, như online, videoclip, âm thanh, song sự “hội tụ” chủ yếu nằm ở khâu phân phối “đầu ra”. Tức là từ một sự kiện các tòa soạn tính toán hình thức đăng phát nội dung về sự kiện đó trên các phương tiện có sẵn trong tay như thế nào, chứ hầu như chưa tờ báo nào tính đến “hội tụ” đầu vào với việc thiết kế, xây dựng quy trình và tận dụng mọi nguồn thông tin được cung cấp thông qua đơn thư, ý kiến trực tiếp, email, điện thoại và phản hồi trên mạng xã hội của độc/khán/thính giả. Thêm nữa các ban bạn đọc lại thường độc lập với tòa soạn, có khi lại kiêm nhiệm mảng công tác xã hội sau mặt báo nên vị trí, vai trò và tiếng nói của họ (về mặt nội dung) trong cơ quan báo chí khá mờ nhạt. Thường thì đề tài của họ ít khi chiếm các vị trí nổi bật trên báo chí, ít khi được kéo dài kỳ.

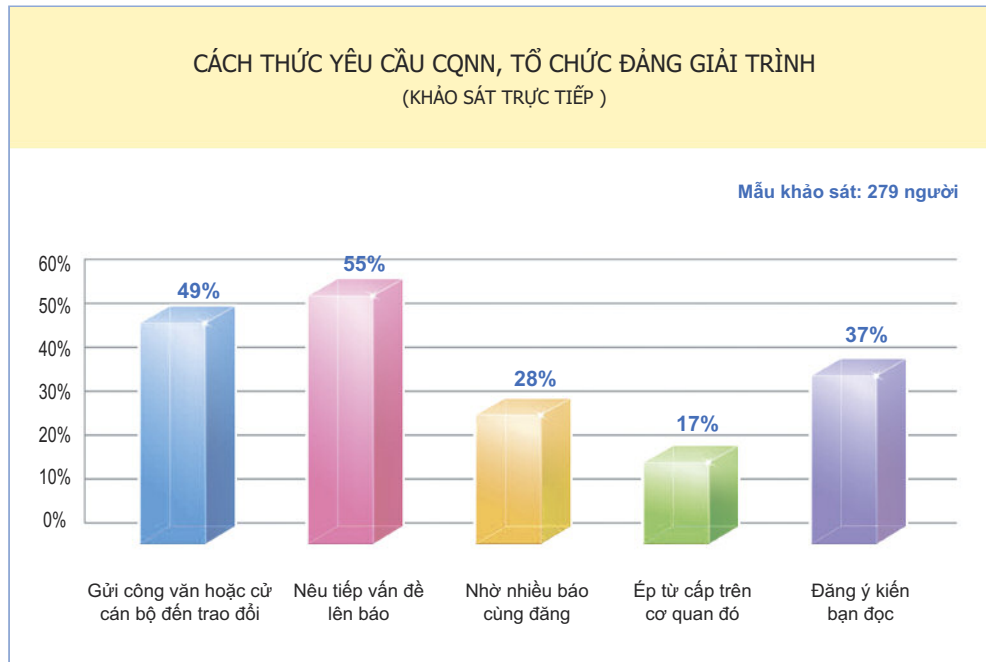


Kỹ năng

Trong việc chuyển tải ý kiến công dân kỹ năng của người làm báo đóng vai trò mấu chốt để thúc đẩy CQNN phải xử lý, trả lời. Trong đó cần đặc biệt nhấn mạnh cách thức sử dụng các quyền hạn luật định để đeo bám vụ việc, vấn đề của bạn đọc. Từ nhận thức chưa cao và do không đánh giá cao công tác bạn đọc, rất ít tòa soạn bố trí nhân sự chuyên trách công tác bạn đọc là những chuyên viên có chuyên môn và kinh nghiệm, giỏi về pháp lý, truyền thông và kỹ năng giao tiếp, mà chủ yếu là các nhân sự kiêm nhiệm. Theo kết quả nghiên cứu DFID 2012 thì có tỷ lệ khá lớn các nhà báo đang phải tác nghiệp hàng ngày nhưng lại thiếu, ít có cơ hội cập nhật các kiến thức chuyên môn trong các lĩnh vực liên quan đến đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài chính, tiền tệ... vốn là những lĩnh vực người dân có nhiều đơn thư khiếu tố. Ngay cả các kỹ năng nghiệp vụ cần thiết cho các phóng viên độc lập, như các nguyên tắc ứng xử, kỹ thuật nhập vai... thì số người có hiểu biết, có kinh nghiệm không nhiều khi nhóm nghiên cứu thực hiện khảo sát trực tiếp tại các vùng Hải Phòng, Nghệ An và Bình Thuận vào tháng 9 và tháng 10/2013.

Trong các cuộc phỏng vấn của nhóm với người phát ngôn tại các bộ, ngành, địa phương, những người được phỏng vấn đều có nhận xét chung rằng trình độ, kỹ năng của một số phóng viên “có vấn đề” nên nhiều phản ánh của báo chí không rõ ràng, thiếu chính xác, thiếu toàn diện và nhất là thiếu địa chỉ tiếp nhận cụ thể nên khó trả lời (xem thêm phần “Các vấn đề khác: đạo đức báo chí”).

Kết quả khảo sát dưới đây với 279 nhà báo cũng thể hiện có sự thiếu cân bằng trong việc sử dụng các cách thức mà luật đã quy định cho nhà báo:



Trong các lần yêu cầu CQNN giải trình, các cách bạn thường dùng là:

Gửi công văn: 49%; Nêu tiếp vấn đề lên báo: 55%; Nhờ nhiều báo cùng đăng: 28%; Ép từ cấp trên cơ quan đó: 17%; đăng ý kiến bạn đọc: 37%. Với tỷ lệ cao nhất (55%) có lẽ phương pháp “Nêu tiếp vấn đề lên báo” vẫn là cách được chọn nhiều, song cách “Ép từ cấp trên” vốn là cách mà luật cho phép lại ít được quan tâm.

Một lãnh đạo Phòng Thanh tra Báo chí – Xuất bản, Bộ TT & TT nói rằng một trong những biểu hiện thuộc về kỹ năng của báo chí chính là “Không theo sát vụ việc đến cùng”. Theo ông, nhà báo là thực hiện vai trò là “người đại diện cho công dân để yêu cầu tổ chức có liên quan trả lời những vấn đề công dân có ý kiến thông qua việc chuyển đơn hoặc đăng phát trên báo chí. Quyền năng này được pháp luật ghi nhận và bảo đảm thực hiện, nhưng rất nhiều trường hợp cơ quan báo chí không theo sát vụ việc đến cùng, không theo dõi nên không biết tổ chức được yêu cầu có trả lời hay không, nếu họ không trả lời thì cũng không thực hiện các bước tiếp theo như chuyển ý kiến đến cấp cao hơn hay tiếp tục đưa lên mặt báo. Chính cách làm nửa chừng này đã đẩy nhiều vụ việc mà công dân có ý kiến rơi vào quên lãng.

Mặt khác, khi cơ quan báo chí không sử dụng quyền năng của mình sẽ tạo cho tổ chức, CQNN thói quen, tâm lý tiêu cực, coi thường ý kiến kiến công dân, coi thường cơ quan báo chí bởi họ thấy trả lời hay không trả lời cũng chẳng sao.

Có nhiều ví dụ cho thấy nếu kỹ năng, kinh nghiệm này của báo chí hạn chế thì sự bức xúc của người dân không những không giảm mà có khi còn kéo dài, tăng cấp gây hậu quả vô cùng nghiêm trọng.

Cụ thể, trong vụ việc ông Đoàn Văn Vươn chống lại đoàn cưỡng chế (của huyện Tiên Lãng, Hải Phòng sáng 5/1/2012) thì từ giữa năm 2008 đơn thư kêu cứu của ông đã được Báo Đối ngoại Vietnam Economic News (VEN) đăng tải ba kỳ báo mang tên là “Cố gắng – Thách thức không đến từ biển”, đã thể hiện cơ bản những oan ức của ông Vươn. Thế nhưng sau đó nhà báo đã không kiên trì đeo bám nêu tiếp vấn đề trên báo hoặc gửi các công văn kiến nghị, yêu cầu chính quyền xử lý, trả lời. Kết cục bốn năm sau ông vươn phải tự xử.

Tương tự, ở vụ việc ông Nguyễn Thanh Chấn ở Việt Yên, Bắc Giang bị phát hiện đi tù oan 10 năm về tội giết người, vào đầu tháng 11/2013 mới được trả lại tự do thì kỹ năng của nhà báo cũng là vấn đề đáng suy ngẫm. Người vợ của ông đã gửi nhiều đơn thư kêu cứu. Vào ngày 28/6/2006, bài “Có chứng cứ ngoại phạm vẫn bị tù chung thân” của một nhà báo trú tại Bắc Giang đã ra mắt trên Báo Tiền Phong, chỉ rõ các sai sót trong điều tra, truy tố, xét xử, đồng thời khẳng định bằng chứng ngoại phạm của ông Chấn. Thế nhưng đáng tiếc là các kiến nghị nêu ra trong bài báo đã không được các cơ quan tư pháp xem xét, giải quyết theo luật định và trước sự im lặng đó bản thân nhà báo, cơ quan báo chí cũng buông trôi... mà không đeo bám đến cùng.

Thời điểm nhóm nghiên cứu khảo sát tại VKSND tối cao, nơi thụ lý và phát hiện ra vụ án oan của ông Chấn, thì được đại diện cơ quan này cho biết chưa bao giờ họ nhận được một khiếu nại của cơ quan báo chí nào liên quan đến trách nhiệm không/chậm phản hồi theo Điều 3 Nghị định 51/2002.



Ông Chấn và bài báo kêu oan bốn năm trước

4.3.2 Về phía tổ chức, cơ quan nhà nước

Nhận thức

Mặc dù quy định trong Luật Báo chí và Nghị định 51/2002 về trách nhiệm của người có chức vụ, quyền hạn đối với các kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của công dân do báo chí chuyển đến đã nêu khá rõ về thời hạn (30 ngày) cũng như về mức độ (thông báo kết quả hoặc biện pháp giải quyết) nhưng hầu như những người có chức vụ, người đứng đầu tổ chức, CQNN đều không trực tiếp xử lý. Đa số đều ủy quyền giải quyết những vấn đề liên quan đến báo chí cho bộ phận văn phòng hoặc người phát ngôn theo Quy chế Phát ngôn. Một số nhà báo ở Hà Nội còn cho rằng: việc tổ chức ra các bộ phận này có chỗ còn nhằm mục đích “đối phó” và bảo vệ lợi ích cơ quan, ngành mình trước dư luận xã hội chứ không hoàn toàn nhằm phục vụ quyền hiến định của công dân. Số người có chức vụ, quyền hạn có quan điểm rằng phản hồi tốt các vấn đề công dân nêu ra trên báo chí nhằm xây dựng hình ảnh tổ chức, CQNN trước dư luận xã hội thì lại càng hiếm hoi.

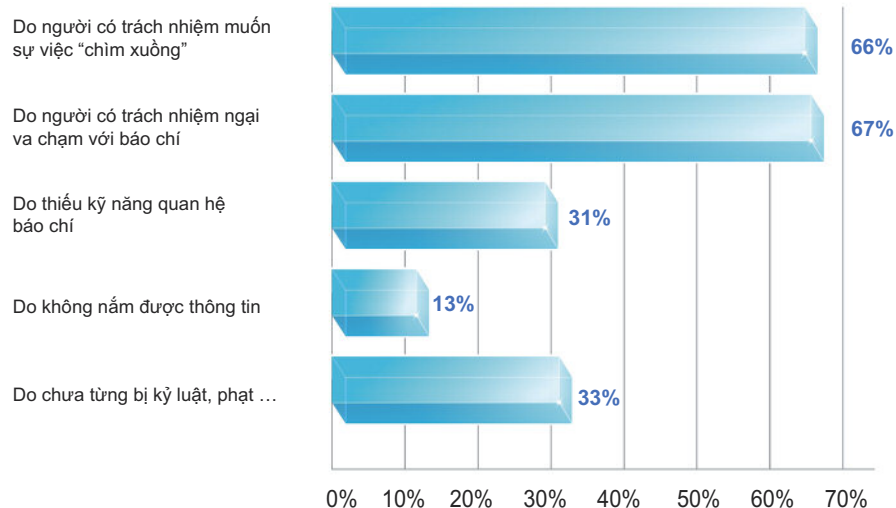
Cuộc khảo sát của nhóm nghiên cứu tại một số bộ ngành trung ương và chính quyền địa phương với người phát ngôn/phụ trách quan hệ báo chí thấy đại đa số những người này nói rằng trách nhiệm trả lời/cung cấp thông tin cho báo chí của CQNN quy định tại Quy chế Phát ngôn do địa phương và ngành đưa ra (hướng dẫn ban hành theo Quy chế Phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ); rất ít người biết đến quy định tại Điều 3 Nghị định 51/2002 về thời hạn 30 ngày phải thông báo “kết quả hoặc biện pháp giải quyết” những vấn đề công dân nêu qua báo chí, cho dù quy định này đã có 11 năm.

Thậm chí tuyệt đại đa số còn cho rằng họ chỉ có trách nhiệm trả lời các công văn/piếu chuyển có đóng dấu đỏ do cơ quan báo chí gửi tới chứ không có trách nhiệm trả lời ý kiến công dân đăng công khai trên báo; song họ lại xác nhận trách nhiệm phải phản hồi ngay, tức thì những thông tin báo đăng sai hoặc chưa đầy đủ về họ; và nếu có trả lời vấn đề báo nêu thì chỉ vì cấp trên của họ yêu cầu, chỉ đạo xuống chứ không phải họ tự giác! Những điều này thể hiện các quy định có tính pháp lý cao trong luật, nghị định ít được tôn trọng hơn các quy định trong quy chế làm việc hay các chỉ đạo trực tiếp, cụ thể từ cấp trên.

Có lẽ vì thế kết quả khảo sát với 279 nhà báo đã phản ánh thái độ miễn cưỡng, thiếu hợp tác của tổ chức, CQNN khi tỷ lệ không/chậm trả lời hoặc trả lời bằng thông tin “vở” chiếm đến 3/4 (xem lại phần “Mức độ phản hồi”). Theo lý giải của các nhà báo tham gia cuộc khảo sát nghiên cứu này thì có các nguyên nhân sau: Do người có trách nhiệm muốn sự việc “chìm xuống” (66%); do người có trách nhiệm ngại va chạm với báo chí (67%); do thiếu kỹ năng quan hệ báo chí (31%); do không nắm được thông tin (13%); do không bị kỷ luật, phạt bao giờ (33%)...

LÝ DO CQNN CHẬM PHẢN HỒI (KHẢO SÁT TRỰC TIẾP)

Mẫu khảo sát: 279 người



Cách thức tổ chức

Theo quy trình thông thường ở một tổ chức, CQNN thì các phản ánh của báo chí giải quyết qua 3 bước cơ bản: tiếp nhận – xử lý và trả lời. Gần đây do thực hiện Quy chế Phát ngôn, ở một vài đơn vị nhỏ lẻ (chủ yếu là doanh nghiệp nhà nước) đã tổ chức ra bộ phận chủ động cung cấp thông tin (hay còn gọi là PR), song đa số các tổ chức, CQNN chỉ tổ chức một nhân sự/một nhóm hoặc giao cho một chuyên viên tổng hợp kiêm nhiệm việc quan hệ báo chí hỗ trợ người phát ngôn. Theo Quy chế Phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ thì "Người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của cơ quan hành chính nhà nước" là "Người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước"; song thực tiễn các tổ chức, CQNN thường vận dụng điểm (b) Điều 2 Quy chế này để phân công cấp phó hoặc chánh văn phòng chịu trách nhiệm phát ngôn.

Trong gần 1 năm trở lại đây vào tối Chủ Nhật hàng tuần trên chương trình Thời sự, Đài Truyền hình Việt Nam VTV, có một chương trình đối thoại về những vấn đề người dân quan tâm với bộ trưởng một bộ, ngành. Nội dung do Cổng thông tin điện tử Chính phủ và VTV chuẩn bị, thường là căn cứ vào những vấn đề người dân gửi tới hai hộp thư điện tử của 2 đơn vị đồng tổ chức, trong đó có cả cả thư tay, hoặc do người dân mang đến.

Một người có trách nhiệm của chương trình cho biết, các câu “dân hỏi” được tập hợp cả từ dư luận xã hội chứ không phải chỉ có đơn thư từ phía người dân. Các bộ phận tham mưu của cả hai đơn vị sàng lọc, ý kiến này tập hợp thành một bộ câu hỏi, sau đó gửi đến cho bộ trưởng để bộ trưởng và cấp tham mưu chuẩn bị nội dung trả lời và ghi hình (phát “nguội” sau khi đã biên tập). Đã có nhiều vấn đề nóng, bức xúc được thảo luận, song cũng có những vấn đề không làm cho khán giả thỏa mãn, nhất là khi nó đụng vào những vấn đề nhạy cảm.

Do các quy định của pháp luật hiện hành không tổ chức bộ phận giúp việc về phát ngôn, cung cấp thông tin hay trả lời báo chí, cộng với nhận thức của người có chức vụ, quyền hạn về các phản ánh của công dân qua báo chí còn khá đơn giản nên quy trình, bộ máy xử lý các vấn đề này không nhất quán.

Ở một bộ quản lý đa ngành về kinh tế thì tại văn phòng bộ lập ra “Phòng báo chí – Tuyên truyền” gồm 6 người, do phó chánh văn phòng bộ trực tiếp quản lý, có nhiệm vụ tiếp nhận các ý kiến, phản ánh thông qua báo chí như các bài viết, phiếu chuyển văn bản, mới đây có thêm đường dây nóng điện thoại và email để nhận các yêu cầu của phóng viên. Riêng các kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, công dân và báo chí chuyển tiếp thì thông qua “Phòng tiếp dân” có vị trí tương đương để tiếp nhận và xử lý. Tương tự, ở một bộ chuyên về chính sách xã hội sau khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế phát ngôn, văn phòng bộ được giao là nơi tiếp nhận các ý kiến phê bình, góp ý, khiếu nại, tố cáo của công dân, tổ chức chuyển qua kênh báo chí có liên quan đến bộ.

Thế nhưng tại một bộ chuyên về khoa học công nghệ thì có tới 3 đầu mối xử lý các vấn đề báo chí chuyển đến, gồm “Phòng kiểm soát thủ tục hành chính” (thuộc văn phòng bộ) tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị của báo chí, tổ chức và công dân về quy định hành chính; Trung tâm Tin học (thuộc ban biên tập website mang tên miền của bộ) tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị theo quy chế của trang tin thông qua email, website và đối với các phản ánh mang tính chất khiếu nại, tố cáo thì thẩm quyền thụ lý lại thuộc thanh tra bộ (và thời hạn xử lý theo quy định của Luật Khiếu nại, Tố cáo). Riêng tại bộ quản lý liên quan đến giáo dục đào tạo thì toàn bộ các công việc tiếp nhận, phân loại, xử lý và trả lời phản ánh của báo chí được giao cho thanh tra bộ!

Tại cấp tỉnh sự không thống nhất về đầu mối và quy trình cũng khá rõ. Nhóm nghiên cứu đã trực tiếp khảo sát tại một tỉnh miền Bắc, một tỉnh bắc Trung bộ,

một tỉnh Tây nguyên và một tỉnh Nam Trung bộ thấy có sự tương đồng khi ở các địa phương này đều bố trí hai kênh tiếp nhận các phản ánh của báo chí là kênh của Sở TT&TT và kênh của văn phòng ủy ban. Tại hai thành phố lớn thì sự khác biệt thể hiện rõ: ở Hà Nội kênh xử lý các vấn đề báo nêu hoặc dư luận quan tâm được giao cho cơ quan tuyên giáo tạo ra sự hỗ trợ khá tốt với việc tổ chức các cuộc đối thoại hàng tuần giữa báo chí và cơ quan quản lý liên quan (xem phụ lục 2), trong khi tại TP HCM hầu như không có các cuộc đối thoại tương tự. Các cuộc họp ở kênh tuyên giáo thường chỉ nhằm mục tiêu định hướng cho lãnh đạo các cơ quan báo chí chứ không phải trả lời vấn đề báo nêu, cho dù báo chí tại thành phố này được đánh giá là hết sức năng động.

Quá trình khảo sát nhóm nghiên cứu cũng tìm hiểu mô hình xử lý các khiếu nại, tố cáo của công dân với các cơ quan tư pháp được chuyển tải qua báo chí tại VKSND tối cao. Tại đây trách nhiệm tiếp nhận các phản ánh của báo chí được giao cho hai đầu mối: Văn phòng chịu trách nhiệm tiếp nhận thông tin báo chí đăng, phát; Vụ Giải quyết khiếu tố chịu trách nhiệm tiếp nhận đơn thư do báo chí chuyển tiếp. Kết quả xử lý và giải quyết các phản ánh này tương đối kịp thời, có hiệu quả do các quy định hiện có trong các bộ luật tố tụng khá chặt chẽ và yêu cầu của lãnh đạo VKSND tối cao khá khắt khe.

Tại VKSND tối cao, sau khi thông tin báo chí chuyển tới được hai đầu mối thụ lý thì cách xử lý như sau:

▶ **Xử lý:** Sau khi tiếp nhận, văn phòng hoặc Vụ 7 phân loại để báo cáo lãnh đạo có chỉ đạo xử lý, nếu là vụ việc cụ thể sẽ được giao cho vụ chức năng (VKS địa phương hoặc vụ/cục thuộc VKSND Tối cao).

▶ **Phản hồi thông tin báo chí đăng/chuyển:**

+ Nếu báo chí dùng văn bản để phản ánh thì tùy trường hợp có thể trả lời bằng văn bản cho cơ quan báo chí. Tuy nhiên, chủ yếu chỉ trả lời về hình thức: tóm tắt nội dung vụ việc, thông báo đã giao cho cơ quan nào giải quyết; Với tin điểm báo, nếu thấy vấn đề báo chí nêu đúng thì tiếp thu, giải quyết. Nếu báo chí đăng tải chưa chính xác thì có thể phản hồi lại bằng văn bản để cơ quan báo chí điều chỉnh, hoặc yêu cầu báo chí cải chính.

+ Việc phản hồi thông tin báo chí nêu đôi lúc được thể hiện bằng bản tin đăng tải trên website của VKSND Tối cao, tại địa chỉ <http://www.vksndtc.gov.vn>

+ Hiện không có cơ chế để phản hồi tất cả thông tin báo chí đăng tải có liên quan đến ngành kiểm sát. Nếu có trả lời, chủ yếu chỉ thông báo chung là vụ việc đã được phân công cho đơn vị cụ thể để xem xét giải quyết. Lý do không thể trả lời sâu vào nội dung vụ việc vì liên quan đến nhiều khâu/quá trình tố tụng. Hơn nữa, đúng sai trong từng vụ việc phải căn cứ vào bản án/quyết định tố tụng.

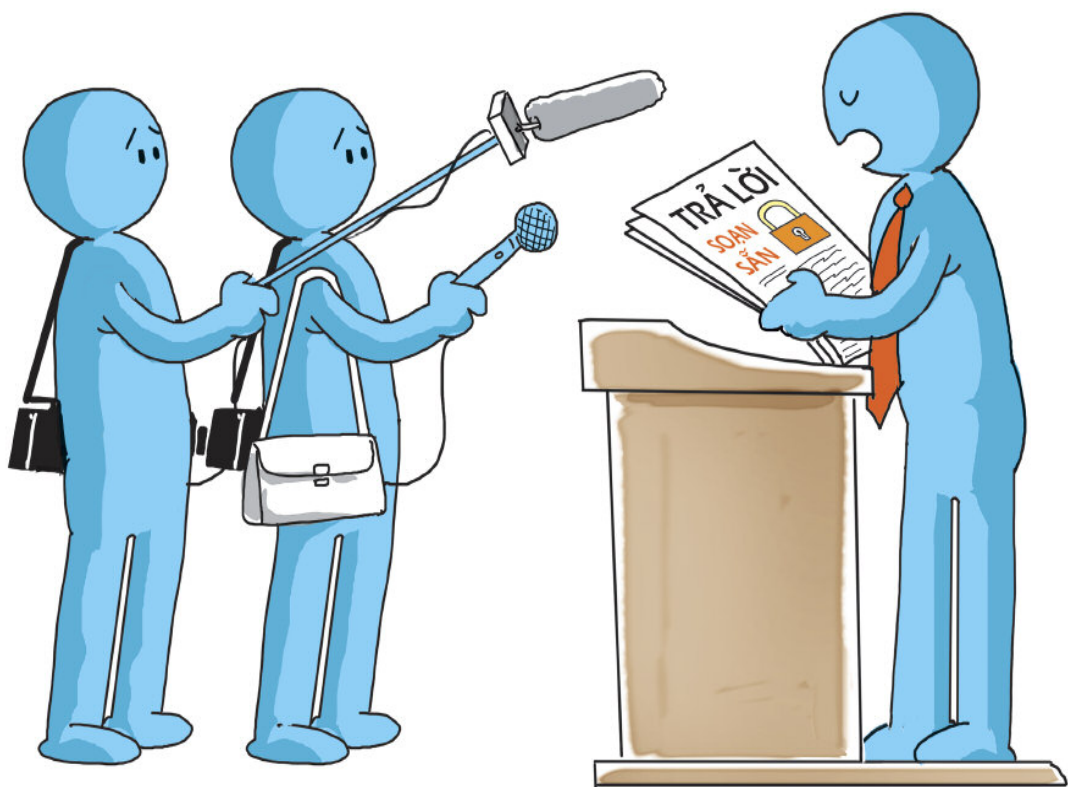
Kỹ năng

Hầu hết các đại diện CQNN khi trả lời nhóm nghiên cứu đều cho biết đại đa số người đứng đầu, người phát ngôn của CQNN chưa từng được đào tạo kỹ năng trả lời, đối thoại với báo chí và đó là tác nhân khá lớn dẫn đến việc “né” nhà báo. Thậm chí dù Thủ tướng đưa ra khái niệm “Người phát ngôn” là người đứng đầu ngay trong điều khoản đầu tiên của Quy chế Phát ngôn nhưng tuyệt đại đa số các bộ trưởng, trưởng ngành, chủ tịch UBND tỉnh, TP... đều không muốn trở thành “Người phát ngôn” mà thường ủy quyền lại cho cấp phó hoặc chánh văn phòng.

Một số ít người đứng đầu, người phát ngôn được tập huấn với thời gian hạn hẹp nhưng nội dung chủ yếu lại là về kiến thức văn bản trong khi phần kỹ năng giao tiếp với báo chí gần như bị bỏ ngỏ. Có lẽ vì thế trong nhiều cuộc họp báo, cuộc phỏng vấn trên truyền hình hay trên báo chí chỉ thấy những người có chức vụ, quyền hạn đọc, in các bài viết đã chuẩn bị sẵn chứ không thấy sự tương tác, đối thoại hoặc các câu trả lời chứa nội dung mang tính kết quả như luật định đáp ứng sự chờ đợi của người dân. Ngoài ra việc sử dụng các kênh Thông cáo báo chí, website chưa trở thành thói quen thường xuyên ở một số bộ ngành, địa phương khiến cho luồng thông tin hai chiều bị hạn chế.

Trong khi việc rèn luyện, trau dồi kỹ năng, huấn luyện nghiệp vụ tiếp xúc báo chí chưa được đề cao thì lại xuất hiện xu hướng “đối phó” báo chí ở các tổ chức, CQNN theo kiểu “phân biệt đối xử”. Một phóng viên ở Hà Nội kể lại rằng cuộc gặp gỡ báo chí tại một bộ kinh tế về quản lý xăng dầu đã “cấm cửa” với một số nhà báo với lý do “không được mời” nhưng lại “rộng cửa” với một số đại diện báo chí khác trong khi tiêu chí mời lại không được công bố. Tình hình này cũng bắt đầu phổ biến ở cơ quan quản lý tiền tệ, tài chính... khi các cơ quan này thường có những cuộc gặp gỡ riêng với các báo “thân cận” và tránh né những đại diện báo chí khác. Thậm chí việc đại diện các bộ, ngành, địa phương ký các “Thỏa thuận hợp tác” với một số đại diện cơ quan báo chí còn được đăng tải công khai trên báo hoặc trên website của ngành, địa phương, như các trường hợp báo chí hợp tác với Ngân hàng Nhà nước. Về mặt pháp lý các cuộc gặp gỡ, hợp tác riêng này chưa bị cấm nhưng đã khiến cho đại diện những báo khác bức xúc và nghi ngờ tính khách quan của các bài viết trên cơ quan báo chí đó khi việc quản lý ngành đang bị người dân chỉ trích.

HỢP BÁO



4.4 NHỮNG TÁC NHÂN KHÁC

Quá trình thúc đẩy công khai minh bạch, trách nhiệm giải trình của CQNN thông qua báo chí ở Việt Nam hiện tại có nhiều yếu tố khác hỗ trợ, như vai trò của người tố cáo, cung cấp thông tin; vai trò thúc đẩy của cơ quan quản lý báo chí (Bộ TT&TT, Sở TT&TT); vai trò của cơ quan chỉ đạo báo chí (Ban Tuyên giáo trung ương và các địa phương) và sự tham gia giám sát của các đại biểu dân cử, đoàn thể (Đại biểu Quốc hội, HĐND, thành viên MTTQ). Ngoài những nguyên nhân trực tiếp và “lỗ hổng” của quy định pháp lý đã nêu ở trên, xin điểm ra đây ba yếu tố chính có liên quan khá mật thiết và tác động mạnh mẽ.

4.4.1 Vai trò của cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí

(i) - Cơ quan chỉ đạo báo chí hiện nay là cơ quan tuyên giáo trực thuộc cơ quan Đảng, xuyên suốt từ trung ương xuống địa phương (cấp huyện). Tính “chỉ đạo” ở đây thể hiện ở chức năng định hướng, gia giảm liều lượng các vấn đề báo chí nêu, nắm bắt dư luận xã hội trước các vấn đề, sự kiện được cho là “phức tạp, nhạy cảm” (theo Quyết định số 157- QĐ/TW ngày 29/4/2008 của Ban bí thư Trung ương ban hành Quy định về chỉ đạo, định hướng chính trị, tư tưởng, nhất là đối với các vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm trong nội dung thông tin của báo chí). Trong đa số các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người hoặc liên quan đến tiêu cực của đơn vị kinh tế nhà nước hoặc của cán bộ cấp cao thì yếu tố “phức tạp, nhạy cảm” bao giờ cũng xuất hiện và thường được cơ quan tuyên giáo quan tâm.

Vì thế ở nơi nào cơ quan Tuyên giáo mạnh, hiểu biết sâu sắc về chuyên môn, sát sao với tình hình chính trị - xã hội thì việc đôn đốc thực hiện trách nhiệm phản hồi tốt. Đơn cử như việc Ban Tuyên giáo thành ủy Hà Nội duy trì cuộc họp mang tính đối thoại với các phóng viên báo chí hàng tuần đã 13 năm nay là một điển hình trong việc nâng cao mức độ phản hồi của các tổ chức, CQNN trước đòi hỏi của người dân (xem thêm phụ lục). Rất nhiều phóng viên đã rất ấn tượng với các cuộc họp này, bởi ở đó những cơ quan có trách nhiệm liên quan đến các vấn đề, sự kiện “nóng, bức xúc” xảy ra trên địa bàn Hà Nội bị triệu tập đến để báo cáo về trách nhiệm, hướng xử lý và trả lời các câu hỏi của phóng viên để họ tường thuật đăng trên báo một cách công khai.

Ngược lại ở địa phương nào cơ quan Tuyên giáo yếu kém hoặc tiêu cực thì công tác “chỉ đạo” lại trở thành lực cản đối với trách nhiệm giải trình với vấn đề báo nêu... Đáng nói, việc chỉ đạo, định hướng báo chí đã có Quy chế từ trung ương vạch rõ phương pháp, quy trình và nêu ra các khái niệm cũng như lĩnh vực “phức tạp, nhạy cảm” song việc chỉ đạo sai, định hướng không đúng đến nay vẫn chưa có chế tài và chưa có một cơ chế độc lập giám sát để tránh cơ quan tuyên giáo lạm quyền khiến cho mô hình tốt như các cuộc họp báo hàng tuần ở Hà Nội trở nên rất hiếm hoi...

Một tờ báo ở khu vực miền Trung đăng loạt bài điều tra về việc một lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước ở tỉnh sử dụng bằng cấp bất hợp pháp với nhiều bằng chứng thuyết phục. Quá trình điều tra ban biên tập phát hiện người này có anh em họ hàng với Trưởng ban Tuyên giáo tỉnh ủy, nhưng họ vẫn quyết định nêu để cảnh báo những đối tượng sử dụng bằng cấp bất hợp pháp để thăng chức. Thế nhưng thay vì yêu cầu phía bị phản ánh trả lời thì Trưởng ban Tuyên giáo lại dùng quyền chỉ đạo báo chí ra sức ép chỗ nọ chỗ kia để yêu cầu báo cải chính.



(ii) - Cơ quan quản lý báo chí hiện là cơ quan quản lý nhà nước về thông tin - truyền thông. Ở trung ương thì chức năng nhận diện, ban hành chính sách và xử lý các vi phạm về báo chí (bao gồm cả việc cung cấp thông tin và xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí) của Bộ TT&TT khá rõ và được đề cập cụ thể trong Nghị định Chính phủ cũng như Quy chế Phát ngôn, song ở địa phương trách nhiệm và quyền hạn pháp lý của cơ quan này không rõ ràng. Vì thế tình trạng UBND tỉnh “làm thay” việc quản lý nhà nước về thông tin - truyền thông vẫn phổ biến nên chưa phát huy được sự tích cực của các chế tài pháp lý trong lĩnh vực thông tin, truyền thông. Những địa phương nào lãnh đạo Sở tích cực thì vai trò cầu nối, tổ chức đối thoại, đôn đốc giải trình được thúc đẩy, báo chí có nhiều cơ hội cọ xát tiếp nhận phản hồi, đồng thời khắc phục sớm các sai sót. Địa phương nào lãnh đạo sở còn rụt rè, e ngại thì vai trò còn mờ nhạt, hiện tượng vi phạm Luật Báo chí, vi phạm quyền tác nghiệp của nhà báo còn diễn biến phức tạp.

Ở một tỉnh Tây Nguyên, hàng tháng Sở TT&TT vẫn tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức họp giao ban báo chí do Phó Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì. Cuộc họp này có dành 50% thời lượng để trao đổi về 1-2 vụ việc nổi cộm, nóng hổi nhất trên địa bàn tỉnh giữa cơ quan báo chí với tổ chức, cá nhân. Trước khi họp khoảng hai tuần, lãnh đạo Sở ký văn bản gửi cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến vụ việc và báo cáo cho UBND tỉnh về vấn đề nổi bật mà báo chí phản ánh; đồng thời cũng gửi cho phóng viên và cơ quan báo chí có bài phản ánh đến tham dự, trao đổi thông tin 2 chiều về vụ việc này.

“Nếu báo chí phản ánh không đúng sự thật thì đại diện CQNN cũng nói rõ nội dung nào không đúng sự thật, nội dung nào đúng và xử lý như thế nào. Sau đó, báo chí sẽ có những trao đổi thêm. Nếu báo chí sai, báo chí phải rút kinh nghiệm kịp thời, Nếu đến mức phải xử lý thì chúng tôi sẽ kiến nghị với thanh tra...”

Cách làm này đã góp phần tích cực làm cho các tổ chức, CQNN phải phản hồi các kiến nghị, phê bình của công dân trên báo chí, từ đó thúc đẩy họ phải vào cuộc xem xét xử lý kịp thời, triệt để các vấn đề nổi cộm mà báo chí nêu. Việc phản hồi này tác động rất tích cực, tăng niềm tin của người dân vào chính quyền, hạn chế được tình trạng đơn thư khiếu nại bị khát, góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thậm chí nếu báo chí có tiêu cực, thiếu khách quan thì qua việc gặp gỡ giao ban, đối chất sẽ biết mình sai hay đúng để tự kiểm chứng lại” – lãnh đạo Sở TT&TT nói.

Đáng nói là qua khảo sát, rất ít cơ quan quản lý báo chí thể hiện được vai trò bảo hộ quyền tác nghiệp của nhà báo thông qua việc xử phạt các hành vi xâm phạm Luật Báo chí, trừ hai địa phương Daklak và Cần Thơ, chưa có Sở TT&TT nào xử lý được các hành vi cản trở nhà báo quy định tại Nghị định 02/2011.

4.4.2 Đạo đức báo chí

Tại cuộc hội thảo “Tiếp thu ý kiến” tổ chức tại Nghệ An vào tháng 9/2013, trưởng đại diện một cơ quan báo chí trung ương đóng trên địa bàn đã thẳng thắn đề nghị nhóm nghiên cứu cho vào nội dung chính thức vấn đề “đạo đức nhà báo”. Theo ông, tiêu cực xã hội cũng ảnh hưởng đến báo chí với việc những tuyến bài điều tra theo đơn thư bạn đọc không được tòa soạn cho đăng, hoặc ngừng nửa chừng mà không được giải thích thỏa đáng.

Cùng thời điểm nhóm nghiên cứu đang thu thập ý kiến diễn ra bốn cuộc bắt giữ bốn phóng viên thường trú các báo Pháp Luật TP HCM, Thanh Niên tại Đồng Nai, Kinh tế Nông thôn tại Nghệ An và Xây dựng tại Hà Nội về các hành vi cưỡng đoạt tài sản và lợi dụng ảnh hưởng của người có chức vụ quyền hạn để trục lợi. Tuy kết quả giải quyết các vụ án này còn ở phía trước, song thông qua việc bắt quả tang hành vi nhận tiền của phóng viên đã buộc phải cảnh báo các ban biên tập phải chấn chỉnh và kiểm soát hoạt động của chính sách các nhà báo chống tiêu cực, nhất là quan hệ với những người có thế lực ở địa phương. Các cuộc khảo sát trực tiếp của nhóm nghiên cứu với khoảng gần 100 nhà báo điều tra, xử lý đơn thư ở 19 tỉnh, TP tại ba vùng Hải Phòng, Nghệ An và Bình Thuận vào tháng 9 và tháng 10/2013 đều xác nhận hiện tượng các “nhóm lợi ích” ra sức mua chuộc, lợi dụng báo chí để đấu đá, cạnh tranh không bình đẳng và rất nhiều người trong số họ đã quyết định “không nhận phong bì” và “chống lệt thuộc”.

Trong số 279 nhà báo trả lời các phiếu khảo sát cũng có 18 người (chiếm 8%) xác nhận nguyên nhân tổ chức, CQNN không phản hồi là vì “Do nhà báo tác nghiệp có động cơ cá nhân”. Một số nhà báo cũng nói rằng đã thấy “Có hiện tượng phóng viên sử dụng tin tức cáo của bạn đọc để lấy quan hệ, trục lợi hoặc bênh vực kẻ bị

tố cáo”. Đại diện các bộ, ngành và địa phương khi trả lời phóng viên của nhóm nghiên cứu đều nói, biểu hiện rất rõ của vấn đề đạo đức chính là việc “một số nhà báo cố tình thông tin một chiều để gây áp lực với cơ quan nhà nước. Nhiều phóng viên khi làm việc với CQNN cứ chăm chăm tìm cái yếu kém, hạn chế của cơ quan người ta để đào sâu thì CQNN họ cũng ngại tiếp xúc”.



Từ thực tiễn xử lý các sai phạm của báo chí, lãnh đạo Phòng Thanh tra Báo chí Xuất bản, Bộ TT&TT cho rằng những biểu hiện dưới đây vừa là vấn đề đạo đức, vừa là thực thi trách nhiệm pháp lý của nhà báo:

- ▶ *Chưa coi trọng ý kiến công dân:* Không quan tâm đến ý kiến công dân chuyển đến, cho rằng mình có quyền nên thích thì đăng không thì thôi.
- ▶ *Đặt điều kiện để trục lợi trước khi chuyển tải thông tin:* mặc dù cá biệt, nhưng thực tế một số nhà báo, phóng viên bằng nhiều hình thức khác nhau đã dùng lợi thế của mình để nghị công dân chi tiền để được đăng thông tin.
- ▶ *Không đăng ý kiến phản hồi của công dân:* Gần đây, tình hình khiếu nại thông tin trên báo chí của công dân có chiều hướng gia tăng. Một số cơ quan báo chí cho mình là “bề trên” không cần xem xét hoặc khăng khăng khẳng định mình có căn cứ, thông tin đúng sự thật. Còn công dân, người trực tiếp bị ảnh hưởng bởi thông tin sai lệch cứ theo đuổi và nổi thất vọng lớn dần lên khi biết không thể mong chờ sự “thương hại” của cơ quan báo chí đó, nhiều vụ việc đã chìm vào quên lãng.

“Buồn thay, nhiều người tự đặt ra quy tắc “báo chí luôn luôn đúng” và trong sự tổn hại họ còn phải cầu xin, mong cơ quan báo chí “thông cảm”. Với thái độ “bề trên” đó, trong nhiều trường hợp cơ quan báo chí đã không đăng lời phát biểu của công dân theo quy định. Thông tin sai sự thật phải cải chính xin lỗi, đó là quy định của luật pháp. Việc cải chính xin lỗi không thể trả lại cho con người sự vẹn nguyên, chỉ có thể làm vơi đi nỗi đau, mất mát. Song điều hiển nhiên đó đôi khi không được cơ quan báo chí thực hiện một cách nghiêm túc, họ miễn cưỡng thể hiện dưới dạng “nói lại cho rõ, để rộng đường dư luận”... – lãnh đạo Phòng Thanh tra Báo chí Xuất bản nói.

Thực tế thì các vấn đề liên quan đến đạo đức báo chí hiện còn khá mơ hồ, cho dù Hội Nhà báo Việt Nam đã ban hành “Quy định về đạo đức” của báo chí Việt Nam, song đó chỉ là các “gạch đầu dòng” đơn giản thiếu sự hướng dẫn và thiếu cơ chế giám sát cũng như chế tài. Cùng thời điểm nhiều cơ quan báo chí đã khởi động việc nghiên cứu, tăng cường nhận thức về quy chuẩn đạo đức báo chí nhưng đến nay nhóm nghiên cứu mới chỉ ghi nhận Ban biên tập Báo Pháp Luật TP HCM vào đầu năm 2013 đã ban hành “Bộ Quy chuẩn ứng xử của người làm báo Pháp Luật TP HCM” và đã xử lý một trường hợp vi phạm bằng hình thức buộc thôi việc. Mới đây VTV cũng đã ban hành bản quy tắc tác nghiệp cho các phóng viên của mình, nhưng những điển hình như thế còn khá hiếm hoi.

4.4.3 Vai trò của mạng xã hội, blog cá nhân

Thời điểm bắt đầu khảo sát nhóm nghiên cứu phát hiện ra sự hình thành và hoạt động mạnh mẽ của nhiều group báo chí trên mạng xã hội Facebook, mà điển hình là sự hiện diện của Diễn đàn Nhà báo trẻ với trên 7.000 thành viên, hoạt động từ tháng 3/2012. Không chỉ là nơi cung cấp các thông tin mang tính “đầu vào” hay chia sẻ các bài viết đã đăng trên báo, sự cạnh tranh về quyền công bố thông tin trên không gian mở, tự do và sự lan tỏa của mạng xã hội đã thúc đẩy tính trách nhiệm, liêm chính và chuyên nghiệp hơn trong xử lý đơn thư của các nhà báo. nhiều chủ đề nóng liên quan đến tác nghiệp đã được đúc kết trong đó có các kỹ năng “mời” thông tin hoặc thúc đẩy CQNN phản hồi. Hoặc các vấn đề liên quan đến đạo đức tác nghiệp, ứng xử với nguồn tin cũng liên tục được thảo luận. Bản thân lỗi của một tờ báo của giới trẻ khi trích dẫn sai điều luật (Điều 3 Nghị định 51/2002) cũng do các thành viên trên group Diễn đàn Nhà báo trẻ phát hiện ra và góp ý khiến tòa soạn báo này sửa chữa ngay trên bản điện tử, cho thấy sức mạnh của mạng xã hội trong việc này.

Tuy nhiên, vấn đề đặc biệt nhất chính là việc vận động chính sách về báo chí trên mạng xã hội. Có một thời gian rất dài hiện tượng phân biệt đối xử giữa người mang thẻ nhà báo và chưa có thẻ nhà báo diễn ra trầm trọng, thể hiện ở việc không tiếp, không cung cấp thông tin, hoặc bị đe dọa, cản trở thì không có biện



pháp bảo vệ đối với người chưa có thể. Vấn đề này được nêu trên Diễn đàn Nhà báo trẻ tạo sự tranh luận mạnh mẽ. Một số thành viên đang công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí đã tiếp thu, bước đầu sửa đổi ở Nghị định 159/2013 khi cho thêm đối tượng “phóng viên” vào diện được bảo hộ theo Nghị định này.

Cạnh đó, trong quá trình khảo sát, nhóm nghiên cứu đã mạnh dạn thử nghiệm cách thức thăm dò dư luận xã hội mới trên chính công cụ sẵn có của group Diễn đàn Nhà báo trẻ. Dù lượng thành viên tham gia cuộc thăm dò chưa nhiều, song kết quả cho thấy việc đánh giá thông qua mạng xã hội gần khớp với các khảo sát trực tiếp bằng bảng hỏi theo cách truyền thống. Những lời bình luận kèm theo đã thực sự tạo sức lan tỏa, hỗ trợ thay đổi nhận thức cho các thành viên trong việc nâng cao chất lượng xử lý thông tin từ bạn đọc. Thêm nữa sự hoạt động của trang cá nhân với các thông tin mang tính chất kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo tới các CQNN cụ thể đã tạo sức ép buộc các nhà báo tăng cường hơn tính trách nhiệm của mình.

Điều đặc biệt mà nhóm nghiên cứu ghi nhận là sự tham gia của các blog cá nhân vào việc xuất bản tin tức khiến xã hội, báo chí chính thống và nhất là CQNN có trách nhiệm phải giật mình.

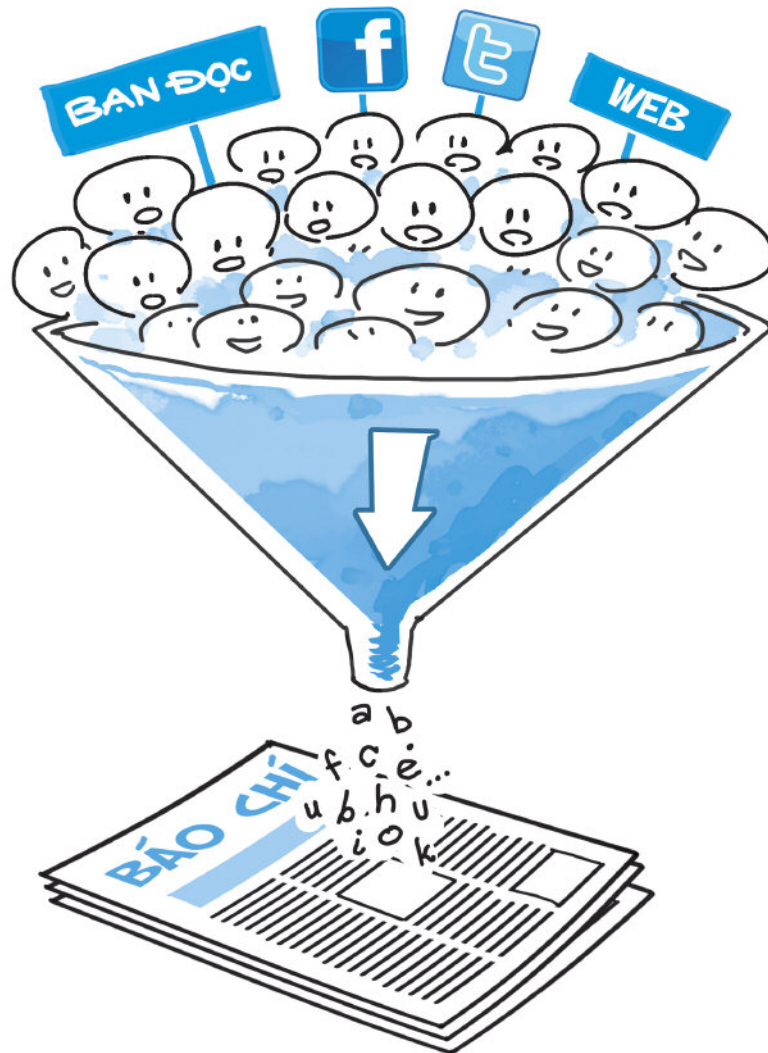
Chẳng hạn tại cuộc cưỡng chế tại Văn Giang, Hưng Yên vào tháng 4/2012, sau khi lãnh đạo tỉnh này báo cáo Chính phủ cuộc cưỡng chế an toàn thì một blog cá nhân công bố clip ghi lại cảnh hai nhà báo VOV bị đánh dã man ở ngoài khu vực cưỡng chế. Sau đó báo chí chính thống mới vào cuộc, buộc CQNN liên quan phải thụ lý giải quyết. Hoặc mới đây một dự án sử dụng vốn ODA bị “bỏ quên” tại Sơn La do blogger phát hiện đã được báo chí vào cuộc điều tra, buộc Chính phủ phải xử lý.

Thêm nữa là ngày càng nhiều các thông tin mang tính bằng chứng từ phía công dân như các clip ghi lại sai phạm của CSGT hoặc của cán bộ công chức nào đó trong tiếp xúc với dân. Các bằng chứng này không chỉ tác động mạnh mẽ đến tác nghiệp của các nhà báo mà còn gây áp lực với CQNN liên quan.

Trên báo Pháp luật TP HCM còn công khai mô tả một cơ quan quản lý đô thị ở Đà Nẵng sử dụng Facebook để tiếp nhận và xử lý ý kiến người dân bằng việc tạo ra một group với hơn 2000 thành viên. (PLTP 16/11/2013)

Với hàng chục triệu người sử dụng Facebook và đang gia tăng chóng mặt, một ngày không xa mạng xã hội sẽ có tác động đáng kể đối với hoạt động báo chí và CQNN.

Tuy nhiên mạng xã hội, blog các nhân đều là các vấn đề rất mới, đang quá trình dò dẫm thử nghiệm nên nhóm nghiên cứu rất thận trọng trong việc xem xét, đánh giá về tác động thực sự đối với việc nâng cao mức độ phản hồi của CQNN đối với kiến nghị, phê bình của công dân qua báo chí.



Phần V

Khuyến nghị

5.1 VỀ HÀNH LANG PHÁP LÝ

Từ các bằng chứng thu được qua quá trình khảo sát nhóm nghiên cứu nhận thấy, việc nâng cao mức độ phản hồi của CQNN đối với các kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của công dân thông qua báo chí không chỉ là việc đảm bảo quyền công dân, quyền của nhà báo mà còn là việc hỗ trợ giải quyết sớm các mầm mống bất ổn từ bên trong. Các quy định của luật pháp về trách nhiệm giải trình, trả lời các kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của công dân thông qua báo chí đã được nêu rõ ràng, xu thế phải thực thi nghiêm túc để tránh những mâu thuẫn xã hội là không thể đảo ngược.

1. Trước mắt, cần có ngay quy định về chế tài thực thi trách nhiệm và đảm bảo thời hạn phản hồi các kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của công dân cho tổ chức Đảng, CQNN theo đúng Điều 8 Luật Báo chí và Điều 3 Nghị định 51/2002 như “Kiến nghị chính sách số 01” mà MEC đã gửi đi ngày 7/10/2013. Tại ba cuộc hội thảo “Tiếp thu ý kiến” ở ba miền Bắc, Trung, Nam thì 95% ý kiến thu được đồng tình với việc bổ sung chế tài cho việc CQNN chậm trả lời báo chí. 65% ý kiến thu được qua các phiếu khảo sát với nhà báo ở 19 tỉnh, thành phố cũng có đề nghị tương tự.

2. Về trung hạn cần có hẳn một Nghị định riêng về “Bảo vệ quyền tác nghiệp báo chí” nhằm hướng dẫn thực hiện Luật Báo chí. Luật Báo chí năm 1989 nêu rõ ngay tại Điều 2: “Báo chí, nhà báo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và được Nhà nước bảo hộ; không một tổ chức, cá nhân nào được hạn chế, cản trở báo chí, nhà báo hoạt động. Không ai được lạm dụng quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí để xâm phạm lợi ích của

Nhà nước, tập thể và công dân”. Đề xuất này đã nhận được sự ủng hộ của 78% các nhà báo ở 19 tỉnh TP khi họ được thăm dò ý kiến bằng phiếu khảo sát và 97% các ý kiến tại ba cuộc hội thảo. Trong số này 67% đề xuất hình thức văn bản là Nghị định.

Thực hiện việc xây dựng Nghị định này cần phải có cơ chế tiếp thu kết quả của nghiên cứu của RED Communication 2011 đã làm rõ, nhận diện 12 hành vi cản trở tác nghiệp báo chí. Tiếp theo phải thực hiện việc mô tả rõ các hậu quả mà xã hội gánh chịu khi hành vi cản trở tác nghiệp báo chí xảy ra, đánh giá tác động của việc ban hành Nghị định. Bước tiếp nữa là làm rõ về đầu mối chịu trách nhiệm thực thi, theo dõi và cơ chế xử lý khi xảy ra các hành vi cản trở tác nghiệp của báo chí, trong đó có tiếp thu, nâng cấp quy trình 7 bước (phục vụ xử phạt) mà Sở TT&TT Daklak đã ban hành cùng với đó là việc xây dựng quy trình và công cụ xác lập bằng chứng tố giác cho nhà báo, phóng viên khi họ gặp cản trở.

Tại Nghị định này cũng cần lưu ý đến mô hình báo chí điều tra chống tham nhũng, trong đó xác định cụ thể về tư cách “người tố cáo” của nhà báo khi họ công bố các cáo giác từ nguồn giấu tên; đồng thời tổng hợp, hoàn thiện các quy định về quyền miễn trừ cho nhà báo hiện đang nằm rải rác nhiều văn bản để hỗ trợ khi bài viết của họ có sai sót. Nghị định này cũng cần đề cập tới một số nội dung liên quan đến pháp luật hình sự chứa các nội dung định tội thường vận dụng cho sai sót nghiệp vụ của nhà báo; đồng thời cũng có hướng dẫn cách hoặc vận dụng các loại tội danh phù hợp cho đối tượng gây ra hành vi cản trở nhà báo đang tác nghiệp.

Nghị định này cũng cần đề xuất cơ chế kiểm soát việc xây dựng và thực thi các văn bản pháp luật của các ngành khác có liên quan tới quyền tác nghiệp của nhà báo. Cơ chế này là việc thực thi nghiêm túc các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó lập ra Ủy ban Bảo vệ nhà báo gồm đại diện các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, về an ninh trật tự, Hội Nhà báo, tổ chức nghiên cứu, đào tạo về báo chí, các nhà báo và chuyên gia độc lập. Ý kiến của Ủy ban này sẽ là căn cứ chính để các ban soạn thảo luật giải trình, tiếp thu.

3. Về lâu dài cần sửa toàn diện Luật Báo chí, trong đó xoá bỏ sự phân biệt đối xử trong tiếp cận thông tin, có cơ chế xử lý các hành vi cản trở tác nghiệp báo chí ngay từ khâu xây dựng pháp luật đến thực thi trên thực tế. Các quy chế liên quan đến nghĩa vụ giải trình, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí mà Chính phủ ban hành cần được thực hiện một cách nghiêm túc, và tự giác.

“ Nghị định này cũng cần đề xuất cơ chế kiểm soát việc xây dựng và thực thi các văn bản pháp luật của các ngành khác có liên quan tới quyền tác nghiệp của nhà báo. Cơ chế này là việc thực thi nghiêm túc các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó lập ra Ủy ban Bảo vệ nhà báo gồm đại diện các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, về an ninh trật tự, Hội Nhà báo, tổ chức nghiên cứu, đào tạo về báo chí, các nhà báo và chuyên gia độc lập. Ý kiến của Ủy ban này sẽ là căn cứ chính để các ban soạn thảo luật giải trình, tiếp thu. ”

5.2 VỀ PHÍA BÁO CHÍ

Ý kiến bạn đọc, sự cung cấp của nguồn tin từ lâu đã được các tòa soạn lớn trên thế giới coi là “tài nguyên” cần có cách thức khai thác khoa học, hợp lý. Ở một số cơ quan báo chí có uy tín của Việt Nam công tác này cũng đã được tôn trọng. Với sự phát triển mạnh của internet, nguồn tài nguyên này sẽ ngày càng phong phú và sự cạnh tranh trong việc khai thác chúng sẽ ngày càng mạnh mẽ. Giờ đây công dân đã có nhiều lựa chọn hơn để nhờ chuyển tải ý kiến, thậm chí họ có thể tự mình công bố các thông tin riêng của mình thông qua các blog cá nhân, mạng xã hội mà không cần báo chí nữa. Vì thế nhận thức của báo chí về vai trò nguồn tin, ý kiến bạn đọc nên nhanh chóng thay đổi để từ đó áp dụng những cách thức đảm bảo cho việc tiếp nhận, phân loại, xử lý, chuyển tải, theo dõi, đôn đốc phản hồi các ý kiến của công dân được hiệu quả, mà cách tốt nhất là các tòa soạn, ban bạn đọc/khán/thính giả cần xây dựng quy trình rõ ràng và khoa học. Quy trình này cũng thể hiện rõ trách nhiệm ở từng khâu, vừa đảm bảo cho việc chuyển tải ý kiến của người dân đến CQNN một cách nhanh chóng, chính xác, đúng địa chỉ, đúng thời điểm, vừa đảm bảo phản hồi lại cho công dân đúng quy định của pháp luật.



Sau khi có được quy trình phù hợp, các nhân sự kiêm nhiệm hay chuyên trách của cơ quan báo chí đều cần phải được đào tạo các kỹ năng và kiến thức liên quan đến việc tiếp nhận, xử lý và phản hồi bạn đọc, khán/thính giả, trong đó chú trọng các kiến thức về luật pháp, kỹ năng về tiếp dân cũng như đối thoại với chính quyền. Trong xu thế mới, các nhân sự này cũng cần thông thạo các cách thức tương tác trên không gian mở của mạng xã hội, blog cá nhân nhằm tăng cường các kiến thức chuyên môn và kỹ năng cần thiết giúp cho việc chuyển tải các ý kiến được chính xác, khách quan, đa chiều, đúng địa chỉ và có tính thuyết phục hơn. 50% các ý kiến của nhà báo ở 19 tỉnh, TP tham gia khảo sát đồng ý “nâng cao sự chuyên nghiệp của nhà báo” sẽ giúp khắc phục hiện tượng CQNN chậm/không trả lời.

Ngoài ra cần tận dụng lợi thế của mạng xã hội, diễn đàn để chia sẻ các kinh nghiệm hay giữa các nhà báo, cơ quan báo chí trong việc xây dựng các bản quy chuẩn đạo

đức báo chí này; hoặc kinh nghiệm xử lý tin tức do bạn đọc cung cấp, kinh nghiệm đeo bám thúc đẩy CQNN phản hồi...

Cuối cùng, để bảo đảm cho việc tiếp nhận, xử lý, chuyển tải và phản hồi các ý kiến của công dân được chuẩn mực, có trách nhiệm và loại trừ các hành vi lạm dụng, tiêu cực, các tòa soạn cần chủ động xây dựng và áp dụng các chuẩn mực đạo đức, ứng xử liên quan đến đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực hết sức phức tạp này. Những bản quy chuẩn đạo đức như vậy cần được thiết kế theo đúng đặc thù mô hình tòa soạn, nhân sự, lĩnh vực hoạt động của cơ quan báo chí và đảm bảo quy trình lấy ý kiến được dân chủ, đồng thuận thì hiệu quả áp dụng mới cao.

5.3 VỀ PHÍA CQNN

Vấn đề lớn nhất ở phía này chính là nhận thức của người đứng đầu tổ chức, CQNN cần thay đổi. Những người lãnh đạo tổ chức, CQNN nên xem trách nhiệm trả lời phản ánh báo chí là một “cơ hội” hơn là một “nghĩa vụ”, bởi từ việc phản hồi này CQNN sẽ phục vụ người dân được tốt hơn, các quyết định của mình dễ tìm được sự đồng thuận hơn. Thực tế cho thấy, nhiều khi một nhà lãnh đạo công bố một quyết tâm thực hiện/giải quyết một vấn đề bức xúc của người dân đã ngay lập tức có sự chia sẻ, đồng thuận từ phía dư luận, chưa cần phải thông báo ngay kết quả giải quyết như luật định.

Từ nhận thức này tùy theo từng lĩnh vực quản lý và mật độ ý kiến của người dân do báo chí chuyển đến mà các CQNN xem xét việc xây dựng quy trình tiếp nhận, phân loại, xử lý và phản hồi các phản ánh của báo chí. Bởi lẽ các quy trình này đây đó cũng đã có trong quy chế hoạt động của cơ quan, trong các quy trình tiếp nhận, xử lý ý kiến, kiến nghị chuyển đến từ các kênh khác hoặc các quy định của pháp luật chuyên ngành. Vấn đề là dù có quy trình hay không thì vẫn phải bảo đảm cho người có trách nhiệm trả lời báo chí có đủ thẩm quyền nắm rõ được thông tin để đưa ra hướng giải quyết nhanh chóng, vừa thuyết phục được dư luận vừa bảo đảm các quy định của pháp luật.

Trong quá trình này cần tăng cường các cuộc tiếp xúc mang tính định kỳ, có tính đối thoại với báo chí theo hướng chủ động hơn. Nên tạo thêm nhiều cơ hội để các nhà lãnh đạo, người phát ngôn rèn rũa và thực hành các kỹ năng và kiến thức về trả lời, đối thoại với báo chí. 58% các nhà báo tham gia khảo sát ở 19 tỉnh, TP đồng ý “đào tạo kỹ năng phát ngôn” cho tổ chức, CQNN là giải pháp hạn chế việc chậm/không trả lời báo chí.

Cuối cùng, người phát ngôn, người đứng đầu tổ chức, CQNN cần tăng cường các kỹ năng, kinh nghiệm tiếp xúc, đối thoại báo chí thông qua việc học tập, làm theo các mô hình tốt, như các cuộc họp hàng tuần ở Ban Tuyên giáo thành ủy Hà Nội. Lâu dài cần có bộ phận chuyên môn được đào tạo bài bản giúp việc cho phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí được đầy đủ, kịp thời.

5.4 VỀ PHÍA CƠ QUAN CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ BÁO CHÍ

Trong thể chế chính trị hiện nay, tính chất trung gian, cầu nối của cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí nhiều khi có vai trò quyết định với việc thực hiện trách nhiệm thúc đẩy giải trình, đối thoại một cách hiệu quả giữa báo chí và tổ chức, cơ quan CQNN về những vấn đề công dân phản ánh. Mô hình nắm bắt dư luận xã hội và tiếp nhận thông tin báo nêu để yêu cầu người đứng đầu tổ chức, CQNN đối thoại với báo chí hàng tuần mà Ban Tuyên giáo thành ủy Hà Nội đang thực hiện cần được nghiên cứu, hoàn thiện và tiếp tục thí điểm cho một số cơ quan chỉ đạo, quản lý có điều kiện khác.

Tuy nhiên những mô hình như vậy chưa nhiều, có một số băn khoăn khác về việc “cấp ủy làm thay” nhà nước chưa tháo gỡ được về lý luận, trong khi đó tại một số cuộc khảo sát và đặc biệt là tại hội thảo “Tiếp thu ý kiến” ở Hà Nội 27/10/2013 một số đại biểu lại nhận xét thẳng thắn là “Cơ quan chỉ đạo thường nghiêng về việc “ủng hộ” các CQNN hoặc có những can thiệp chỉ đạo vào công việc chuyên môn của báo chí, cái này cần sửa”. Có ý kiến đề nghị cơ quan chỉ đạo “Không sử dụng quyền lực để gây áp lực với cơ quan báo chí nhằm tư lợi hoặc làm sai bản chất của vấn đề”. Vì vậy cần có cơ chế giám sát việc thực hiện Quyết định số 157-QĐ/TW ngày 29/4/2008 của Ban bí thư Trung ương (ban hành “Quy định về chỉ đạo, định hướng chính trị, tư tưởng, nhất là đối với các vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm trong nội dung thông tin của báo chí” mà các cơ quan tuyên giáo đang thực hiện, trong đó có chế tài với các chỉ đạo sai, hoặc mang tính chất phục vụ cá nhân/nhóm cá nhân.

Với các cơ quan quản lý báo chí điều mấu chốt chính là xử lý nghiêm những hành vi vi phạm Luật Báo chí, cả về phía CQNN và các đối tượng ngoài báo chí theo đúng thẩm quyền và đúng bản chất vấn đề. Cơ quan quản lý cũng cần sớm có kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có chế tài hợp lý để thúc đẩy quá trình trả lời của tổ chức, CQNN; có ý kiến với các cơ quan khác trong xây dựng và thực thi luật về PCTN, khiếu nại, tố cáo. Cơ quan quản lý cũng cần có nghiên cứu, đánh giá về sự cần thiết của việc ra đời một Nghị định Bảo vệ quyền tác nghiệp báo chí theo Điều 2 Luật Báo chí và có định hướng rõ ràng, cụ thể hơn về lộ trình sửa đổi Luật Báo chí cũng như tham gia vào việc xây dựng Luật Tiếp cận thông tin.







Phần VI

Phụ lục

6.1 PHỤ LỤC 1

MÔ HÌNH XỬ LÝ ĐƠN THƯ, Ý KIẾN BẠN ĐỌC Ở BÁO CHÍ TP.HCM

(Báo Tuổi Trẻ, Báo Thanh Niên và Báo Pháp Luật TP HCM)

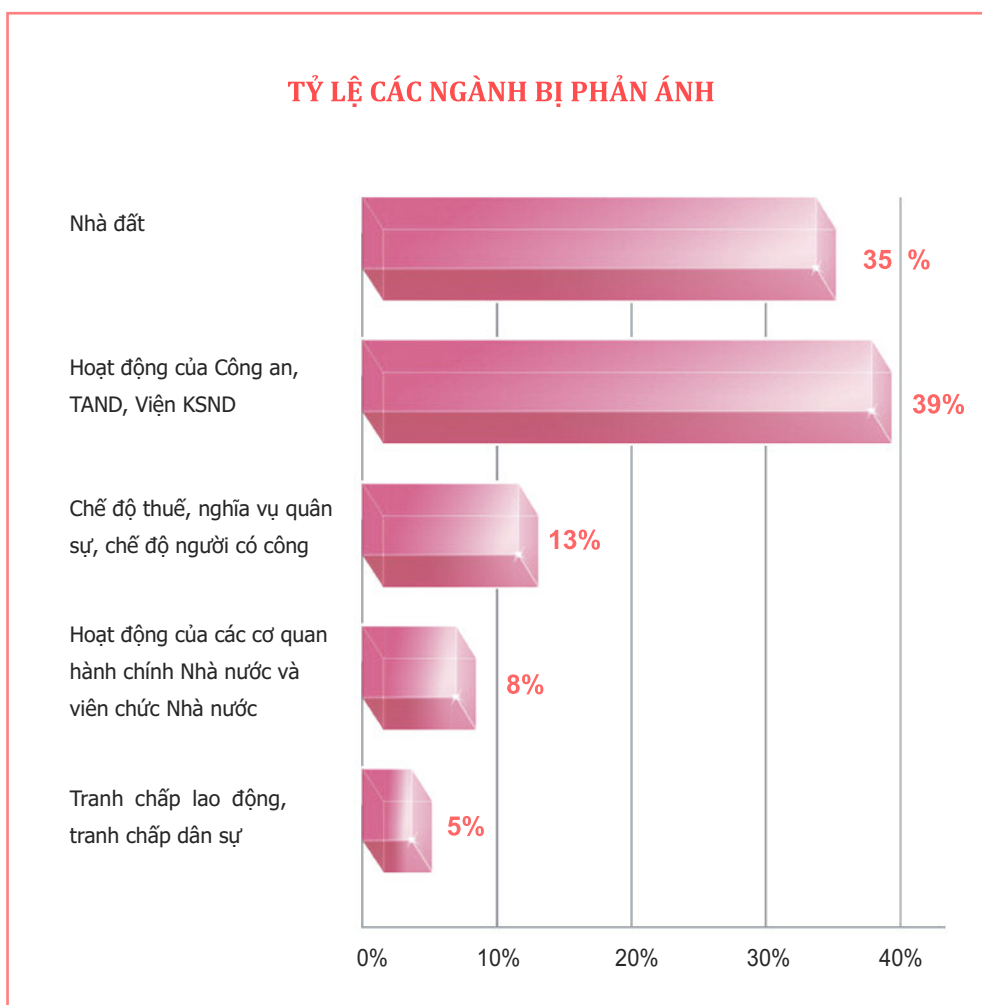
Khái niệm “ý kiến bạn đọc” ở đây là những thông tin từ bạn đọc gửi đến báo qua bốn hình thức: đường bưu điện, email, gọi điện thoại, hoặc trực tiếp đến báo trình bày sự việc. Về nội dung, ý kiến bạn đọc không bao gồm tin, bài bạn đọc gửi đến báo, thư khiếu nại báo về những tin, bài đã đăng cũng như những ý kiến phản đối, đồng tình hoặc nói thêm về một nội dung nào đó mà báo đã đăng (comment). Phần nghiên cứu này chỉ khảo sát, đánh giá những ý kiến, thắc mắc, góp ý phê bình, kiến nghị, khiếu nại hoặc tố cáo của bạn đọc gửi đến mà đối tượng là công chức hoặc CQNN.

I - Mô tả

1.1 Tình hình hiện tại:

Theo khái niệm nói trên, lượng thư bạn đọc gửi về tòa soạn mỗi ngày như sau: Báo Tuổi Trẻ: 13; Báo Thanh Niên: 16; Báo Pháp Luật TP HCM: 12. Nhìn chung khoảng từ 250-350 thư/tháng.

Về nội dung: cả ba tờ báo nêu trên đều có tỷ lệ nội dung tương tự nhau liên quan đến nhà đất 35% (riêng báo Pháp Luật TP.HCM đến 60%). Trong đó, liên quan đến hoạt động của Công an, TAND, Viện KSND: 39%; liên quan đến chế độ thuế, nghĩa vụ quân sự, chế độ người có công: 13%; liên quan đến hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước và viên chức Nhà nước: 8%; Tranh chấp lao động, tranh chấp dân sự: 5%... Các tỉ lệ trên cho thấy kiến nghị, khiếu nại về nhà đất và các cơ quan nội chính chiếm tỉ lệ cao nhất (riêng TAND và thi hành án dân sự chiếm đến 19%).



1.2 Cách xử lý:

Nhìn chung ở tờ báo đều qua bốn bước: i) Phân loại; ii) Cử phóng viên đi xác minh, điều tra; iii) Chuyển tới các CQNN có thẩm quyền; iv) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc.

Ở khâu thứ (i) Phân loại: ở cả ba tờ báo đều có cách phân loại và tiêu chí phân loại tương tự.

- Thư cần cử phóng viên đi điều tra, xác minh để đưa lên mặt báo: Đó là những thư thuộc loại dân sinh, khiếu nại oan ức, thiên tai, địch họa, hoặc liên quan đến những vấn đề mà tòa soạn cho là đang “hot”.

Ở báo Tuổi Trẻ, mỗi ngày có bốn bản “thông tin bạn đọc” vào lúc 9h sáng, 11h trưa, 2h chiều và 4h chiều. Ở báo Pháp luật TP HCM, mỗi ngày có một bản tin. Ở báo Thanh Niên, mỗi ngày có hai bản tin: đầu giờ buổi sáng và cuối giờ buổi chiều. Các bản tin này được chuyển đến các trưởng ban (qua email) hoặc qua các cuộc giao ban hàng ngày để từ đó các trưởng ban sẽ phân công phóng viên đi xác minh viết bài (kết quả sẽ trình bày ở phần sau)

- Thư chuyển tới CQNN có thẩm quyền : Số thư này thường chiếm tỉ lệ cao nhất ở các tòa soạn (kết quả sẽ trình bày ở phần sau)

- Thư lưu, không giải quyết : Chiếm từ 10% đến 15% . Đó là những thư: Thư có lời lẽ quá khích; Thư tố cáo không chứng lý; Thư đã giải quyết nhiều lần; Vụ việc quá thời hiệu; Thư không ký tên, địa chỉ... Với những thư viết lộn xộn , không nêu rõ sự việc hoặc khiếu nại không đúng nơi giải quyết, báo sẽ mời bạn đọc đó đến tòa soạn để gặp luật sư hướng dẫn viết lại đơn .

1.3 Kết quả:

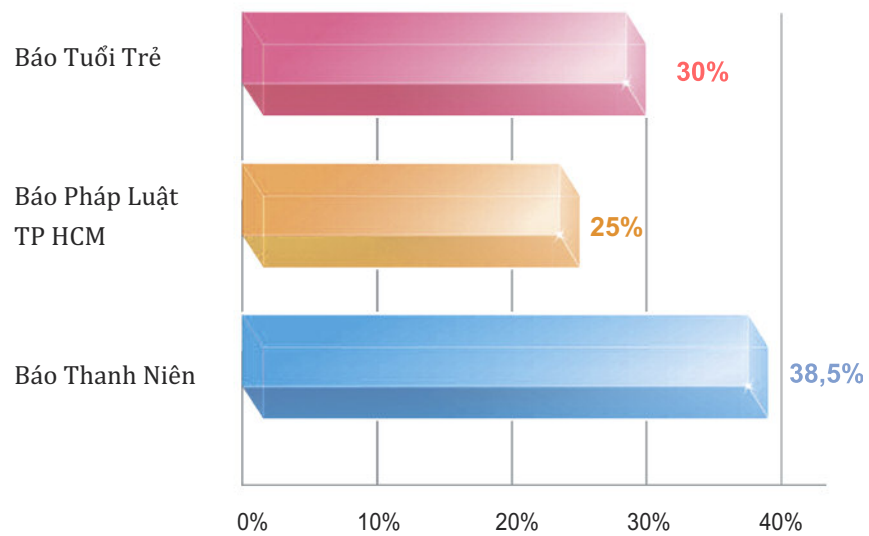
Theo các cách xử lý hiện tại, nhìn chung mức độ phản hồi của tổ chức, CQNN không cao:

Báo Tuổi Trẻ : dưới 30%

Báo Pháp Luật TP HCM: 25%

Báo Thanh Niên: 38,5% (lấy trung bình năm 2012 40% ; chín tháng đầu năm 2013 : 27%)

TỶ LỆ MỨC ĐỘ PHẢN HỒI



1.4 Theo dõi đơn đốc:

- Ở báo Tuổi Trẻ: sau khi gửi phiếu chuyển đi nếu không thấy phản hồi, không áp dụng biện pháp nào tiếp theo.
- Ở báo Pháp Luật TPHCM: Sau 30 ngày báo sẽ nhắc nhở lần thứ nhất. Sau 30 ngày tiếp theo, báo lại đăng báo nhắc nhở lần hai. Quá 60 ngày báo đành “thúc thủ”, có trường hợp báo chuyển thư của bạn đọc lên cơ quan cấp trên có thẩm quyền, nhưng cơ quan này lại chuyển trở về cơ quan cấp dưới là nơi báo đã chuyển thư hai tháng trước.
- Ở báo Thanh Niên: Từ tháng 4/2013, Báo đã mở mục “Cơ quan không trả lời bạn đọc” vào số thứ Hai mỗi tuần.

II- Nhận xét, đánh giá

Qua nghiên cứu cho thấy trong hai cách được quy định tại Điều 3 Nghị định 51: phóng viên đi trực tiếp điều tra và báo làm phiếu chuyển thì cách đầu tiên (phóng viên đi viết bài đăng) ở ba tờ báo TP HCM có kết quả cao hơn. Nhưng như trên đã trình bày, không phải tờ nào báo cũng cử phóng viên đi điều tra vì rất mất thì giờ, đi lại nhiều lần,.. hện gặp người có trách nhiệm rất khó. Nhiều nơi, ngoài thể nhà báo, CQNN còn đòi phóng viên xuất trình giấy giới thiệu và công văn của báo.

Các ngành công an và nhà đất có tỉ lệ phản hồi thấp nhất, cơ quan hành chính Nhà nước có tỉ lệ phản hồi cao hơn. Trong số những thư không phản hồi có nhiều trường hợp CQNN thấy rằng việc này đã trả lời với đương sự rồi, nhưng đương sự không thấy thỏa đáng gửi tiếp thông qua báo. Cũng có một số ít trường hợp do khách quan không giải quyết được, như trong lãnh vực thi hành án dân sự không thể cưỡng chế để trả lại nhà vì người bị thi hành án không có nơi ở nào khác. Một số trường hợp bị ràng buộc vì thời hiệu hoặc ràng buộc do thủ tục tố tụng... Nhưng nhìn chung số thư không phản hồi là do CQNN thờ ơ thiếu trách nhiệm hoặc nội dung thư khiếu nại đề cập đến có đúng có sai, có thư phản ánh sự không tuân thủ pháp luật của chính bạn đọc.

Cả ba tờ báo tại TPHCM mà nhóm đã khảo sát đều cho rằng: để nâng cao mức độ phản hồi cần thiết phải có quy định chế tài đối với CQNN chậm hoặc không phản hồi, bởi báo đều làm hết những cách mà Luật Báo chí cho phép nhưng hiệu quả vẫn hạn chế.

Tuy nhiên qua nghiên cứu nhóm thấy rằng, ở các giai đoạn tiếp nhận, phân loại, xử lý thì cả ba tờ báo đều làm rất tốt (thể hiện ở các số liệu thống kê chi tiết và cách thức đưa tin trên trang bạn đọc của báo), nhưng đến khâu theo dõi, đôn đốc và phản hồi thì lại không được chú trọng tương xứng. Việc gửi công văn lên cấp trên hoặc nêu công khai trên mặt báo chỉ có báo Thanh Niên tiếp thu một cách rõ rệt, các báo khác vẫn chỉ coi công việc đó là chăm sóc bạn đọc chứ không vận dụng nhuần nhuyễn các biện pháp luật định để buộc các cơ quan chức năng trả lời (như có thái độ thúc thủ, buông xuôi khi không được hồi âm).



III- Đề xuất mô hình chuẩn

Ba tờ báo được khảo sát tại TP HCM đều là những tờ có số phát hành cao, lan tỏa rộng (quy mô toàn quốc), có cả phiên bản điện tử, có tờ có phiên bản tiếng Anh, có tờ có cả truyền hình và âm thanh (báo nói). Đến thời điểm làm việc với nhóm nghiên cứu, đại diện cả ba tờ báo đều nhận thức rõ vị trí, vai trò của công tác bạn đọc, đều nắm rõ quyền và trách nhiệm của mình trong Luật Báo chí đối với việc xử lý đơn thư, ý kiến bạn đọc, mặc dù nhận thức này chưa phải đã chuyển hóa thành hành động cụ thể.

Từ mô hình của ba cơ quan báo chí này, qua nghiên cứu, trao đổi tại các hội thảo tiếp thu ý kiến và tiếp nhận đóng góp của nhiều chuyên gia, nhóm nghiên cứu đã phác họa mô hình mẫu xử lý đơn thư, ý kiến bạn đọc tại cơ quan báo chí như sau:

QUY TRÌNH ĐỀ XUẤT



6.2 Phụ lục 2 – MÔ HÌNH THỨC ĐẨY PHẢN HỒI ĐIỂN HÌNH Ở CƠ QUAN CHỈ ĐẠO BÁO CHÍ

Cơ quan thực hiện: Ban Tuyên giáo thành ủy Hà Nội

Thời gian thực hiện: Từ năm 2000 đến nay

Đối tượng thực hiện:

- Người đứng đầu tổ chức đảng, CQNN thuộc quyền quản lý của Hà Nội
- Các phóng viên báo chí tại trung ương và Hà Nội.

I. BỐI CẢNH:

Từ đầu những năm 2000 đến nay, có một sự trùng hợp là những người giữ chức vụ Bí thư Thành Ủy Hà Nội đều nguyên là nhà báo (gồm ông Nguyễn Phú Trọng, nguyên là TBT tạp chí Cộng sản; ông Phạm Quang Nghị nguyên là phó ban Tuyên giáo trung ương rồi bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin) nên Hà Nội có một sự nhạy cảm đặc biệt về vấn đề báo chí. Trong rất nhiều vụ việc nóng của thủ đô được báo chí phản ánh có những vụ việc rất chính xác, song có những vụ việc thông tin còn một chiều, chưa khách quan, tạo sự bức xúc cho cả dư luận xã hội và lãnh đạo thành phố.

Những người quản lý đô thị đặc biệt này đã sớm nhận ra rằng, nguyên nhân chính tạo nên sự bức xúc này là thông tin “vừa thừa, vừa thiếu”: thừa những thông tin chưa khách quan và thiếu những thông tin chuẩn xác từ các cơ quan chức năng trực tiếp. Người đứng đầu thành ủy đã triệu tập một cuộc họp với nội dung “tăng cường công tác quản lý báo chí, xuất bản trên địa bàn thành phố” và đi đến kết luận: để khắc phục tình trạng này giao cho Ban Tuyên giáo thành ủy, Văn phòng UBND thành phố, Sở Văn hóa - Thông tin phối hợp tổ chức họp cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí TW và địa phương đóng trên địa bàn mỗi tuần/lần, do Ban Tuyên giáo chủ trì, làm ngay từ năm 2000. Để đảm bảo tính nhất quán, các văn bản về chủ trương này được ban hành ngay, như Thông báo số 167-TB/TU ngày 19/5/2000 về ý kiến kết luận của Bí thư Thành Ủy và Chương trình công tác số 23-CT/TU của Thành Ủy Hà Nội về công tác tư tưởng - lý luận - báo chí.

II. CHUẨN BỊ:

Từ chủ trương này Ban Tuyên giáo xây dựng kế hoạch hàng tuần, hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm mời các lãnh đạo quận, huyện, sở, ngành (Chủ tịch quận, huyện, giám đốc sở...) đến báo cáo tình hình hoạt động của mình về kinh tế, xã hội... đặc biệt là các vấn đề nóng cần tháo gỡ, trao đổi. Vấn đề khó nhất là xác định nội dung nào là “nóng” để các cuộc trao đổi giữa tổ chức, CQNN và nhà báo có

hiệu quả thực chất? Một cán bộ đã dự đủ các cuộc họp này 13 năm qua cho biết, tiêu chí xác định “vấn đề nóng” của Hà Nội căn cứ từ nhiều nguồn: lớn nhất (trên 50%) là qua công luận báo chí nêu; thứ nhì là qua kênh dư luận xã hội, đơn thư qua kênh giao ban Ban tuyên giáo thành ủy hàng tuần; thứ ba từ đề xuất của chính bản thân các tổ chức, CQNN khi triển khai các hoạt động quản lý nhà nước và kinh tế xã hội.

Để cấp cơ sở nhận thức cụ thể hơn, đầu năm 2010 Trưởng ban Tuyên giáo thành ủy ký một văn bản gửi cho thủ trưởng các sở, ngành, bí thư, chủ tịch các quận, huyện và các đơn vị trực thuộc nói rõ: Thứ nhất, các vụ việc báo chí nêu các cơ quan phải trả lời báo chí trong thời hạn theo luật. Thứ hai, khi tiến hành triển khai các hoạt động kinh tế - xã hội tại địa phương nếu thấy có vấn đề gì nhạy cảm cần sự đồng thuận của người dân thì báo cáo với Ban Tuyên giáo để Ban cùng trao đổi và thống nhất việc cung cấp thông tin với báo chí. Thứ ba, những vụ việc bức xúc mà báo chí phát hiện, nếu liên quan đến đơn vị, đến địa phương thì lãnh đạo địa phương phải báo cáo ngay về Ban Tuyên giáo (bằng điện thoại hoặc văn bản) chứ không chờ đến sau khi giải quyết xong vụ việc mới báo cáo. Sau đó tiếp tục chỉ đạo giải quyết vụ việc một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất, rồi có văn bản chính thức gửi về báo cáo đúng bản chất vụ việc. “Quan điểm chỉ đạo của Ban nhấn mạnh là kể cả đang tiến hành giải quyết cũng phải thông tin. Làm đúng thì không sợ, phải trao đổi để báo chí nắm được thì báo chí cũng chia sẻ với mình. Ví dụ vụ việc A mới chỉ manh nha, báo chí mới nêu thông tin ban đầu thì trên Ban khi điểm báo hàng tuần đã thấy “âm ỉm” rồi, phải gọi điện để hỏi vấn đề gì. Các báo cáo điểm báo hàng tuần này chúng tôi đều phải nêu các vụ việc bức xúc liên quan đến Hà Nội do báo chí phản ánh, sau đó có định hướng tuyên truyền để báo cáo lãnh đạo thành phố và gửi cho các cơ quan, quận, huyện, sở, ngành khác” – vị cán bộ kể.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Những cuộc họp đầu những năm 2000, ban tổ chức chỉ dám mời khoảng 30 báo, trong đó có báo của TW, báo của Hà Nội và đại diện một vài báo của TP. Hồ Chí Minh. Kịch bản là Ban Tuyên giáo chủ trì mời lãnh đạo của các đơn vị “có vấn đề” lần lượt trình bày. Mỗi tuần mời đại diện một đơn vị, có nhiều vấn đề nóng thì mời thành hai, thậm chí có lần 4 đơn vị. Đại diện các đơn vị được mời phải chuẩn bị báo cáo thật ngắn gọn trên cơ sở nội dung đã được gợi ý, ví dụ như về công tác quản lý đất đai, vấn đề giải phóng mặt bằng, công tác cải cách hành chính, chống tham nhũng lãng phí...

Điều đặc biệt là ở các cuộc họp này, Ban chỉ chấp nhận đại diện phía được mời là giám đốc hoặc phó giám đốc, đủ tư cách đại diện để công bố chủ trương, đường

hướng giải quyết của cả đơn vị. Khi đứng lên phát biểu cũng không được đọc tài liệu đã chuẩn bị (để phát) mà chỉ tóm tắt, nêu bật những ý cần trao đổi. Về phía báo chí là các phóng viên quan tâm đến vụ việc hoặc chuyên trách theo dõi địa bàn Hà Nội, vừa đọc tài liệu vừa nghe trực tiếp, sau đó hỏi luôn những nội dung mình quan tâm. “Đây hoàn toàn là cuộc đối thoại chứ không phải quán triệt 1 chiều. Ví dụ phóng viên nói: “tôi nghe thấy ở địa bàn có vấn đề tiêu cực A, B,... với cả địa chỉ cụ thể, đại diện đơn vị giải trình thế nào? Lúc đó chỉ lãnh đạo đơn vị mới đủ tầm để trả lời, chứ cán bộ không thể trả lời được. Đại loại: “về việc này thì bản chất của nó là như này như kia, chúng tôi đã có những cuộc làm việc thế này, văn bản pháp lý thế này...việc đó suy ra chúng tôi hoàn toàn nắm vững pháp luật”. Báo chí họ thấy đúng, những thông tin trước đây họ thấy chưa đúng thì họ ủng hộ” – vị cán bộ kể.

Sau quá trình trao đi, đổi lại có vấn đề nào thống nhất được thì thống nhất luôn. Lãnh đạo Ban Tuyên giáo với tư cách chủ trì sẽ đưa ra kết luận, trong đó sẽ đề nghị báo chí trong tuần tới tập trung vấn đề gì và những vấn đề gì nên giảm bớt liều lượng. “Cách thức tổ chức thông tin như thế này rất tác dụng. Không chỉ là những thông tin cụ thể, đầy đủ, toàn diện, chính thống về một vụ việc mà phóng viên có thể nghe được thông tin tổng thể của một địa phương, một ngành để từ đó tạo cho góc nhìn viết những đề tài mới”.

Đến nay sau 13 năm Ban Tuyên giáo thành ủy Hà Nội đã tổ chức hàng trăm cuộc đối thoại, cung cấp thông tin như vậy. Số lượng nhà báo, số lượng cơ quan báo chí mỗi năm một tăng. Từ chỗ chỉ 30 đại diện, nay là 100 – 150 đại diện cơ quan báo chí. Tại cuộc họp này các thông tin chưa đầy đủ về các vụ việc nóng cũng được cải chính kịp thời, như việc lấp hàng chục ngôi mộ trong đêm, vụ cháy cây xăng ở chợ tạm... Đại diện các cơ quan báo chí rất hoan nghênh sự cập nhật thông tin tại cuộc họp giao ban, bởi đã đáp ứng những vấn đề nóng mà xã hội quan tâm.

III. MỘT SỐ NHẬN XÉT

3.1 Tính tích cực:

Các cuộc họp như mô tả nói trên, Ban Tuyên giáo thành ủy Hà Nội đã thực sự đóng vai trò cầu nối, thúc đẩy trách nhiệm giải trình của các tổ chức, CQNN. Trong hơn 13 năm qua, chưa lần nào Ban Tuyên giáo thành ủy mời mà thủ trưởng các sở ngành, quận huyện từ chối (chỉ có một hai lần lãnh đạo đơn vị đi tập huấn đột xuất thì họ xin phép lui lại chứ không từ chối).

Về phía báo chí thì cơ hội được tiếp cận, đối thoại và ghi nhận kết quả hoặc hướng giải quyết một vấn đề nóng, bức xúc trong một thời điểm rất nhanh như vậy là cơ

hội tác nghiệp lý tưởng. Thậm chí các cuộc họp đó cũng là cơ hội để các nhà báo kiểm chứng lại thông tin ban đầu mình nghe được, phát hiện thêm đề tài và hoàn toàn được miễn trách nhiệm khi công bố trung thực những nội dung mình được cung cấp tại cuộc họp nếu như thông tin đó sai. Mặt khác việc tổ chức giao ban với các phóng viên (chứ không mời lãnh đạo các báo như đại đa số nơi khác) cũng là sáng kiến của Hà Nội, bởi để nắm rõ những vụ việc cụ thể thì tốt nhất là chính các phóng viên đang theo dõi địa bàn và chỉ có họ mới có thể đặt ra những câu hỏi đúng trọng tâm, trọng điểm. Thêm nữa, mời phóng viên thì có đủ thời gian, sức khỏe và sự nhiệt tình để khai thác tiếp đề tài.

Với các sở, ngành, quận huyện qua việc tham gia các cuộc đối thoại với báo chí như vậy cũng thấy thiết thực. Bởi thực tiễn công tác khi tổ chức, triển khai một hoạt động gì đó phát triển kinh tế xã hội thì bao giờ cũng có sự đồng thuận và chưa đồng thuận, ví dụ như việc giải phóng mặt bằng. Vì vậy khi trao đổi rõ ràng, đầy đủ với báo chí thì báo chí ủng hộ. Các sở ngành, quận huyện nhờ đó giải quyết được những vướng mắc, bức xúc. Trong thời gian qua, những nội dung liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng, vấn đề nhà tái định cư, vấn đề giao thông... luôn là những vấn đề nóng được đưa ra đối thoại.

3.2 Vấn đề còn băn khoăn

Thứ nhất, việc phản hồi các kiến nghị của công dân là trách nhiệm của CQNN là một quy định pháp lý bắt buộc phải thi hành nên đương nhiên đòi hỏi tính tự giác, tính chủ động cao từ phía cán bộ, cơ quan phải thực thi. Vì vậy nếu tổ chức Đảng cấp trên quá quyết liệt sẽ triệt tiêu tính tự giác, chủ động này của cấp dưới, lâu dài không sẽ vô hiệu hóa các quy định của pháp luật.

Thứ hai, dù cách làm có hiệu quả, xuất phát từ tâm huyết của lãnh đạo và những người trực tiếp thực hiện, song chưa được tổng kết, nhân rộng chỉ bởi nhiều quan điểm e dè “cấp ủy có nên làm thay CQNN”? Theo trả lời của đại diện Ban Tuyên giáo thành ủy Hà Nội thì quả thật có xu hướng này (ngay từ TW có thời gian chuyển địa điểm họp giao ban sang CQNN nhưng sau này chuyển lại) nhưng Hà Nội nhận thức rằng cơ quan chỉ đạo báo chí phải là cơ quan lãnh đạo; còn cơ quan quản lý nhà nước về báo chí chỉ giải quyết về pháp luật. Đây là chủ trương của lãnh đạo Thành ủy nên để Ban Tuyên giáo chủ trì thì có thể dễ dàng điều động lãnh đạo các tổ chức, CQNN đến cuộc họp để trình bày, chứ nếu để Sở TT&TT hay Văn phòng UBND thì có thể sẽ rất khó khăn, nhất là những việc thuộc thẩm quyền của cấp ủy (như công tác cán bộ). Thêm nữa, với nội dung đã được báo chí phản ánh, được lãnh đạo Thành ủy quan tâm, tức là chủ trương đó cũng phải được lãnh đạo các cấp, các ngành quan tâm và khi đó dù ở bên đảng hay bên nhà nước cũng phải sát sao nắm thông tin và trả lời báo chí theo luật.



3.3 ĐỀ XUẤT

Trong bối cảnh mức độ phản hồi của tổ chức, CQNN đối với các kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của công dân được báo chí chuyển tải còn thấp và sự nhận thức, tính trách nhiệm của lãnh đạo, cán bộ công chức các cấp về trách nhiệm trả lời báo chí còn chưa cao thì cách làm của Ban Tuyên giáo Hà Nội là một sự kiện nổi bật. Đó thực sự là cầu nối, là tác nhân thúc đẩy việc thực thi trách nhiệm giải trình một cách công khai, minh bạch. Cả ba phía: người dân, báo chí và tổ chức, CQNN đều có sự hài lòng nhất định về những vấn đề chung. Những lãnh đạo sở, ngành, quận, huyện qua các cuộc đối thoại này cũng nâng cao được các kỹ năng tiếp xúc báo chí.

Vì thế nhóm nghiên cứu cho rằng bối cảnh Luật Báo chí chỉ cho phép các tổ chức xã hội, đoàn thể và CQNN có cơ quan ngôn luận và các cấp ủy vẫn phải chịu trách nhiệm toàn diện về mọi vấn đề của đời sống xã hội, thì cách thức mà Ban Tuyên giáo thành ủy Hà Nội đang tiến hành là một nỗ lực đáng ghi nhận, cần được tổng kết và phổ biến cho các cấp ủy khác học tập mà mục tiêu cao nhất là bảo đảm các quyền hiến định của công dân.

6.3 Phụ lục 3 – MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

- Ngày 7/10/2013, nhóm chuyên gia đã soạn thảo kiến nghị chính sách số 01 về việc bổ sung chế tài đối với CQNN chậm trả lời báo chí. Kiến nghị này đã được gửi tới lãnh đạo các cơ quan có thẩm quyền và các đối tượng chịu sự điều chỉnh của Luật Báo chí.
- Kiến nghị chính sách thứ 02 về việc cần phải có một Nghị định hướng dẫn thực hiện Điều 2, Luật Báo chí 1989 về việc bảo hộ quyền tác nghiệp của nhà báo sẽ sớm được nhóm chuyên gia soạn thảo và công bố dựa trên các kết quả nghiên cứu liên quan.

V/v: Kiến nghị bổ sung chế tài thực hiện Điều 8 Luật Báo chí
và dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 02/2011/NĐ-CP

---&---

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2013

Kính gửi: Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ
Bộ trưởng Bộ Thông tin & Truyền thông
Bộ trưởng Bộ Tư pháp
Tổng Thanh tra Chính phủ
Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam



Nhân dịp Chính phủ đang trong quá trình thu thập ý kiến sửa đổi Nghị định 02/2011/NĐ-CP Quy định Xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí – xuất bản, thực hiện quyền góp ý cho dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Trung tâm Truyền thông Giáo dục cộng đồng (MEC) trân trọng đề nghị đồng chí Bộ trưởng, Lãnh đạo ngành xem xét, chỉ đạo **bổ sung chế tài cho việc không/chậm trả lời báo chí theo Điều 8 Luật Báo chí vào dự thảo Nghị định 02/2011.**

Kiến nghị này được đưa ra dựa trên kết quả của nghiên cứu – khảo sát **“Mức độ phản hồi của cơ quan nhà nước đối với kiến nghị phê bình của tổ chức, công dân trên báo chí”** do MEC thực hiện từ tháng 8 năm 2013.

Căn cứ pháp lý:

Luật Báo chí 1989, tại Điều 8 về **“Trả lời trên báo chí”** quy định:

“Người đứng đầu cơ quan báo chí có quyền yêu cầu các tổ chức, người có chức vụ trả lời vấn đề mà công dân nêu ra trên báo chí; các tổ chức, người có chức vụ có trách nhiệm trả lời trên báo chí;

Tổ chức, công dân có quyền yêu cầu cơ quan báo chí trả lời về vấn đề mà báo chí đã thông tin, cơ quan báo chí có trách nhiệm trả lời;

Cơ quan báo chí phát hiện hoặc nhận được khiếu nại, tố cáo của công dân về những việc có dấu hiệu phạm tội thì phải báo ngay cho cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát bằng văn bản; cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có trách nhiệm thụ lý và trả lời cho báo chí cách giải quyết”.

Cụ thể hóa điều luật này, Nghị định 51/2002/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Báo chí, tại Điều 3 về **“Trách nhiệm của tổ chức, người có chức vụ”** quy định:

“Khi cơ quan nhà nước, tổ chức Đảng, tổ chức xã hội (gọi chung là tổ chức) và người có chức vụ nhận được ý kiến, kiến nghị, phê bình, khiếu nại của tổ chức, công dân, tố cáo của công dân do cơ quan báo chí chuyển đến hoặc đăng, phát trên báo chí, trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày báo chí đăng, phát thì người đứng đầu tổ chức, người có chức vụ phải thông báo cho cơ quan báo chí kết quả hoặc biện pháp giải quyết.

Nếu quá thời hạn nêu trên mà không nhận được thông báo của người đứng đầu tổ chức, người có chức vụ thì cơ quan báo chí có quyền chuyển ý kiến, kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của công dân đến cơ quan cấp cao hơn có thẩm quyền giải quyết hoặc đưa vấn đề đó lên báo chí”.

Quá trình nghiên cứu, khảo sát:

Trong quá trình thực hiện dự án, nhóm chuyên gia của MEC đã:

- Phóng vấn đại diện lãnh đạo hơn 20 cơ quan báo chí lớn, cơ quan/tổ chức Nhà nước, cơ quan quản lý báo chí, cơ quan chỉ đạo báo chí ở Hà Nội, Quảng Ninh, Hà Nam, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đắk Lắk, TP HCM và Bình Thuận;
- Khảo sát, xin ý kiến 234 nhà báo đang hoạt động trong lĩnh vực nội chính, kinh tế, xử lý đơn thư, đường dây nóng... tại gần 20 tỉnh, thành trên cả nước;
- Tổ chức Hội thảo tiếp thu ý kiến đóng góp của lãnh đạo Sở Thông tin & Truyền thông các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Đắk Lắk và đại diện các cơ quan báo chí, nhà báo, phóng viên tại khu vực miền Trung vào ngày 20/9/2013.

Kết quả cho thấy:

- Tỷ lệ nhà báo cho biết các kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của công dân được cơ quan nhà nước phản hồi đúng thời hạn luật định (30 ngày) khá thấp: **21%**.
- Các kết quả khảo sát tại các cơ quan báo chí lớn, có uy tín và độ bao phủ rộng số liệu này có tiến bộ hơn, nhưng chỉ xoay quanh mức **30%**.
- 72% người trả lời khảo sát, phóng vấn cho rằng do lý do chính là hệ thống pháp luật **thiếu chế tài xử lý** việc CQNN **chậm/không trả lời**.

Từ phát hiện trên, nhóm chuyên gia của MEC đã họp toàn thể cùng xem xét, phân tích các chế tài quy định tại Nghị định 02/2011/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí – xuất bản, dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 02 hiện đang được Chính phủ hoàn thiện, chuẩn bị ban hành và thấy rằng:

- Nghị định 02/2011/NĐ-CP có quy định chế tài với các hành vi của cơ quan báo chí khi “không thực hiện báo cáo, giải trình” hoặc “báo cáo, giải trình không đúng nội dung, thời hạn và yêu cầu”... Tuy nhiên, Nghị định này không quy định chế tài nào đối với hành vi không tuân thủ quy định cung cấp thông tin cho báo chí của cơ quan Nhà nước theo Điều 8 Luật Báo chí và Điều 3 Nghị định 51/2002/NĐ-CP.
- Dự thảo nghị định sửa đổi Nghị định 02 đã có một số bổ sung, sửa đổi, chủ yếu về mức xử phạt trong lĩnh vực báo chí – xuất bản, nhưng chưa khắc phục hoàn toàn các hạn chế nêu trên của Nghị định 02.

Hiến pháp quy định công dân có quyền kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo, và báo chí là một kênh để người dân thực hiện quyền Hiến định này. Vừa qua, bằng việc ban hành Nghị định 90/2013/NĐ-CP về “**Trách nhiệm giải trình**”, Chính phủ đã phần nào làm rõ hơn trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan nhà nước trước ý kiến của tổ chức/cá nhân công dân.

Vì vậy, để các quy định mang tính trách nhiệm, nghĩa vụ ấy phát huy hiệu quả trên thực tế, việc bổ sung các quy định mang tính chất chế tài nhà nước, trong đó có quy phạm chế tài mà MEC kiến nghị trong văn bản này, là cần thiết.

Kính đề nghị các đồng chí xem xét.

Xin trân trọng cảm ơn!

- Nơi gửi:
- Như trên
 - Liên hiệp các Hội KHKT Việt Nam
 - Ủy ban VH-GD-TN-TN và ND của Quốc hội
 - Ủy ban Tư pháp của Quốc hội
 - Ban Tuyên giáo Trung ương
 - Ban Nội chính Trung ương
 - Sở TT&TT Nghệ An, Hà Tĩnh, Đắk Lắk
 - Các đối tượng chịu sự điều chỉnh của Luật Báo chí
 - Lưu VP



PHỤ LỤC:

Nghiên cứu – khảo sát

“MỨC ĐỘ PHẢN HỒI CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KIẾN NGHỊ, PHÊ BÌNH CỦA TỔ CHỨC, CÔNG DÂN TRÊN BÁO CHÍ”

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGHIÊN CỨU – KHẢO SÁT

Nghiên cứu – khảo sát “Mức độ phản hồi của cơ quan nhà nước đối với kiến nghị phê bình của tổ chức, công dân trên báo chí” là một trong các hoạt động chính của dự án “Nâng cao mức độ phản hồi của cơ quan nhà nước đối với kiến nghị phê bình của tổ chức, công dân trên báo chí”.

Dự án được Trung tâm Truyền thông Giáo dục cộng đồng (MEC) thực hiện từ tháng 8/2013 – tháng 3/2014 với sự hỗ trợ của Bộ Ngoại giao Anh thông qua Đại sứ quán Anh tại Hà Nội và theo Quyết định phê duyệt số 321/QĐ-LHHVN ngày 26/8/2013 của Liên hiệp các Hội KHKT Việt Nam.

Dự án gồm các hoạt động chính sau đây:

- Nghiên cứu – khảo sát “Mức độ phản hồi của cơ quan nhà nước đối với kiến nghị phê bình của tổ chức, công dân trên báo chí” và các hoạt động liên quan;
- Đưa ra các kiến nghị chính sách liên quan đến các quy định pháp luật về trách nhiệm phản hồi của cơ quan nhà nước đối với kiến nghị phê bình của tổ chức, công dân trên báo chí;
- Tổ chức các Hội thảo – Tập huấn nhằm nâng cao “Kỹ năng trả lời báo chí cho đại diện các cơ quan nhà nước”;

II. NHÓM CHUYÊN GIA THỰC HIỆN NGHIÊN CỨU – KHẢO SÁT

Nghiên cứu – khảo sát “Mức độ phản hồi của cơ quan nhà nước đối với kiến nghị phê bình của tổ chức, công dân trên báo chí” được thực hiện bởi các chuyên gia:

- Nhà báo Nam Đồng (Nguyễn Minh Lộc), chuyên gia về báo chí điều tra, nguyên Tổng biên tập báo Pháp luật TPHCM;
- Nhà báo Nguyễn Văn Bá, Phó Tổng Biên tập báo Bưu điện Việt Nam, Bộ TT&TT;
- Nhà báo Mai Phan Lợi, Phó Tổng TKTS, Trưởng đại diện tại Hà Nội, báo Pháp luật TPHCM;
- Nhà báo Hoàng Nghĩa Nhân, Phó Trưởng đại diện tại Hà Nội, báo Pháp luật TPHCM.

TRUNG TÂM TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG

Địa chỉ: Phòng 202 nhà C, số 26 Liễu Giai, Hà Nội

Hotline: 093.23.71788 (Hà)

Tel: 84 (4) – 22206870 - Email: mec@mec.org.vn - Website: www.mec.org.vn

Phần VII

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo nghiên cứu – khảo sát “Nghiên cứu các hành vi cản trở tác nghiệp báo chí”, RED Communication 2011.
2. Báo cáo nghiên cứu khảo sát “Thuận lợi & khó khăn của báo chí đưa tin tham nhũng ở cấp tỉnh”, Bộ Phát triển quốc tế Anh, DFID 2012.
3. Báo cáo nghiên cứu của McKinley về báo chí chống tham nhũng, 2009.
4. Báo cáo nghiên cứu khảo sát “Tham nhũng dưới góc nhìn của người dân và doanh nghiệp”, Thanh tra Chính phủ và Ngân hàng Thế giới, 2012.
5. Báo cáo kết quả dự án “Nâng cao năng lực đưa tin cho phóng viên về các chính sách đất đai và phát triển đô thị”, MEC và Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội, 2013.
6. Báo cáo kết quả dự án “Nâng cao năng lực đưa tin cho phóng viên trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ”, MEC và Tổ chức Hướng tới Minh bạch, 2013.
7. Báo cáo giữa kỳ dự án “Sidewalk Economics”, MEC và Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, 2013.
8. Luật số 29-LCT/HĐNN8 của Quốc hội ngày 28/12/1989 về Báo chí.
9. Luật số 12/1999/QH10 ngày 12/6/1999 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí
10. Nghị định của Chính phủ số 51/2002/NĐ-CP ngày 26/7/2002 quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí (Nghị định 51/NĐ-CP 2002).
11. Nghị định số 02/2011/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản ngày 6/1/2011 (Nghị định 02/2011/NĐ-CP)
12. Nghị định của Chính phủ số 31/2001/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2011 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá - thông tin.
13. Nghị định của Chính phủ số 56/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2006 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa - thông tin.
14. Quyết định 77/2007/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

15. Quyết định 1390/2008/QĐ-TTg ngày 29/09/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin cho báo chí giữa Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
16. Quyết định 25/2013/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.
17. Luật số 09/1998/QH10 của Quốc hội về Khiếu nại, tố cáo.
18. Luật số 58/2005/QH11 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, Tố cáo.
19. Luật số 02/2011/QH13 của Quốc hội về Luật Khiếu nại.
20. Luật số 03/2011/QH13 của Quốc hội về Luật Tố cáo.
21. Luật số 55/2005/QH11 của Quốc hội về Luật Phòng, chống tham nhũng
22. Nghị định 90/2013/NĐ-CP ngày 8/8/2013 Quy định Trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
23. Quyết định số 157- QĐ/TW ngày 29/4/2008 của Ban bí thư Trung ương ban hành Quy định về chỉ đạo, định hướng chính trị, tư tưởng, nhất là đối với các vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm trong nội dung thông tin của báo chí.
24. Thông báo số 167-TB/TU ngày 19/5/2000 của Thành ủy Hà Nội về ý kiến kết luận của Bí thư Thành ủy và Chương trình công tác số 23-CT/TU của Thành ủy Hà Nội về công tác tư tưởng - lý luận - báo chí.
25. Dự thảo Pháp lệnh xử lý các hành vi cản trở hoạt động tổ tụng của TAND tối cao
26. Nghị định 79/2013/NĐ-CP ngày 19/07/2013 của Chính phủ ban hành Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.
27. Nghị định 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ ban hành Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.
28. Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ ban hành Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.
29. Công văn số 1042/C67-P3 ngày 26/4/2013 của Cục Cảnh sát giao thông Đường bộ-Đường sắt, Bộ Công an.
30. Quyết định số 01/QĐ-BPL ngày 18/1/2013 của Tổng biên tập Báo Pháp Luật TP HCM ban hành Quy chuẩn ứng xử của người làm báo Pháp Luật TP HCM.
31. Tạp chí Nghề báo, số tháng 3/2012
32. Báo Tiền Phong ngày 5/11/2013
33. Báo Pháp luật TP HCM 16/11/2013
34. Diễn đàn Nhà báo trẻ (<http://www.facebook.com/groups/nhabaotre/>)



TRUNG TÂM TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG (MEC)

thực hiện với sự hỗ trợ tài chính của Bộ Ngoại giao Anh thông qua Đại sứ quán Anh tại Hà Nội

Minh họa và trình bày : LEO

Thông tin liên hệ :

TRUNG TÂM TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG (MEC)

Phòng 202 nhà C - số 26 Liễu Giai – Hà Nội

Email : mec@mec.org.vn

Website : www.mec.org.vn

TEL : 04. 222 36870

Báo cáo này là sản phẩm nghiên cứu, nghiên cứu sử dụng cho mục đích thương mại dưới mọi hình thức.
